



BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

19

Tháng 10 - 2009

LỄ KHỞI CÔNG XÂY DỰNG NHÀ QUỐC HỘI

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2009



Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng phát lệnh khởi công xây dựng Nhà Quốc hội



Toàn cảnh Lễ khởi công

THÔNG TIN
**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI

19

SỐ 19 - 10/2009



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Nghị định số 79/2009/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị 5
 - Quyết định số 118/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 144/2006/QĐ-TTg quy định áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2000 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước 6
 - Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA 7
 - Thông tư số 33/2009/TT-BXD của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phân loại, phân cấp công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị 8
 - Thông tư số 34/2009/TT-BXD của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về phân loại đô thị 9
 - Thông tư số 184/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, lệ phí độc quyền thăm dò khoáng sản 10
 - Thông tư số 185/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn việc huy động và quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư cho các dự án đầu tư (giai đoạn 2) thuộc Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long 11
- #### Văn bản của địa phương
- Quyết định số 18/2009/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc phân cấp, uỷ quyền 13

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN (Phó ban)

KS.HUYỀN PHƯỚC

CN.ĐÀO THỊ MINH TÂM

CN.BÙI THỊ QUỲNH ANH

CN.HOÀNG ĐẠI HẢI

CN.NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

CN.NGUYỄN THỊ THUYẾT GIANG

quyết định đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, lựa chọn nhà thầu các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý

- Quyết định số 21/2009/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định về chính sách ưu đãi đầu tư vào Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp 14
- Quyết định số 33/2009/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định về cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang 15

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiên cứu đề tài:
 - + Tiêu chuẩn Việt Nam "Thép kết cấu cán nóng" 17
 - + Hướng dẫn thiết kế lớp vỏ bao che cho công trình kiến trúc nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả 17
 - + Dự án sự nghiệp kinh tế: "Điều tra, khảo sát đánh giá thực trạng nhà ở của các hộ nghèo - Đề xuất chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006-2010 của Chính phủ 19
- Danh sách các phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng được công nhận tháng 9-2009 21
- Bê tông thân thiện và hiệu quả môi trường sinh thái 24
- Nghệ thuật điêu khắc bê tông 25
- Mô hình tiết kiệm năng lượng trong xây dựng của một số nước Châu Âu 27
- Các biện pháp đảm bảo an toàn trong thi công bê tông 29
- Tin xây dựng quốc tế qua mạng Internet 31

Thông tin

- Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng phát lệnh khởi công xây dựng công trình Nhà Quốc hội 33
- Bộ Xây dựng triển khai xây dựng Chương trình ứng phó biến đổi khí hậu và Kế hoạch hành động của ngành Xây dựng 35
- Thị trấn Sao Đỏ được công nhận là đô thị loại IV 36
- Hội thảo góp ý dự thảo Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật Quy hoạch đô thị 37
- Kế hoạch của Chính phủ Trung Quốc về đảm bảo nhà ở cho thuê giá rẻ trong giai đoạn 2009 – 2011 38
- Giá chào thầu là yếu tố quyết định trong đấu thầu xây dựng quốc tế 41
- Nghệ thuật và phương pháp quản lý giám đốc dự án 43
- Đô thị không rào cản 46



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Nghị định số 79/2009/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị

Ngày 28/9/2009, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 79/2009/NĐ-CP về quản lý chiếu sáng đô thị, quy định về hoạt động chiếu sáng tại các đô thị và khuyến khích áp dụng đối với các khu vực ngoài đô thị trên phạm vi toàn quốc. Đối tượng áp dụng của Nghị định là các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động liên quan đến chiếu sáng đô thị trên lãnh thổ Việt Nam.

Theo Nghị định, chiếu sáng đô thị bao gồm: chiếu sáng các công trình giao thông; chiếu sáng không gian công cộng; chiếu sáng mặt ngoài công trình; chiếu sáng quảng cáo, trang trí và chiếu sáng phục vụ lễ hội; chiếu sáng trong khuôn viên công trình do các tổ chức, cá nhân sở hữu, quản lý và sử dụng. Hoạt động chiếu sáng đô thị là các hoạt động quy hoạch, đầu tư phát triển và tổ chức chiếu sáng đô thị; quản lý và vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị.

Nghị định quy định những nguyên tắc quản lý và chính sách phát triển chiếu sáng đô thị, theo đó, chiếu sáng đô thị là một chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đô thị được quản lý thống nhất và có phân công, phân cấp trách nhiệm, quyền hạn cụ thể theo quy định của pháp luật; chiếu sáng đô thị phải sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả, an toàn, bảo vệ môi trường và tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật; chiếu sáng đô thị phải được quy hoạch, việc phát triển và đầu tư chiếu sáng đô thị phải theo quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch chiếu sáng đô thị được phê duyệt.

Nhà nước có trách nhiệm trong việc xây dựng chiến lược phát triển chiếu sáng đô thị nhằm đầu tư xây dựng và không ngừng nâng

cao hiệu quả hoạt động, đảm bảo chất lượng chiếu sáng đô thị, từng bước hiện đại và phát triển đô thị bền vững.

Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước tham gia đầu tư, sản xuất và sử dụng các sản phẩm chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện.

Khi sửa chữa, thay thế, lắp đặt mới nguồn sáng và các thiết bị chiếu sáng tại các công trình xây dựng và công trình chiếu sáng đô thị có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước phải sử dụng nguồn sáng và thiết bị chiếu sáng được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm tiết kiệm năng lượng hoặc dán nhãn tiết kiệm năng lượng của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật.

Nghị định cũng quy định những hành vi bị cấm trong lĩnh vực chiếu sáng đô thị như: thiết kế, xây dựng công trình chiếu sáng đô thị không tuân thủ quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch chiếu sáng đô thị, thiết kế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức chiếu sáng đô thị không đúng quy định; sử dụng nguồn điện cấp cho hệ thống chiếu sáng đô thị vào mục đích khác; trộm cắp các thiết bị chiếu sáng đô thị; sản xuất, nhập khẩu nguồn sáng, thiết bị chiếu sáng không đúng với quy chuẩn kỹ thuật quy định ...

Theo quy định của Nghị định này, quy hoạch chiếu sáng đô thị là một nội dung của quy hoạch đô thị được lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị. Đối với các thành phố trực thuộc Trung ương phải tổ chức lập quy hoạch chiếu sáng đô thị. Đối với các đô thị khác đã có

quy hoạch đô thị được phê duyệt, việc tiến hành lập bổ sung quy hoạch chiếu sáng đô thị khi chưa đến thời điểm điều chỉnh quy hoạch đô thị do UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định.

Các quy hoạch chiếu sáng đô thị phải phù hợp với yêu cầu, mục tiêu của quy hoạch đô thị và phát triển đô thị; phù hợp điều kiện tự nhiên, đặc điểm kinh tế, xã hội, tính chất, chức năng và đặc thù của mỗi đô thị; bảo đảm đồng bộ với các công trình hạ tầng kỹ thuật và phù hợp với các công trình và khu vực được chiếu sáng; tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn về

chiếu sáng đô thị; bảo đảm mục đích chiếu sáng sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả.

UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm quản lý thống nhất về chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh. Phân công trách nhiệm cho các cơ quan chuyên môn và phân cấp quản lý cho chính quyền đô thị về quản lý chiếu sáng đô thị trên địa bàn.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/11/2009.

(Xem toàn văn tại: www.moc.gov.vn)

Quyết định số 118/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 144/2006/QĐ-TTg quy định áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2000 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước

Ngày 30/9/2009, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 118/2009/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 144/2006/QĐ-TTg quy định áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2000 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

Quyết định này quy định việc thay thế tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2000 trong Quyết định số 144/2006/QĐ-TTg bằng tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008. Trường hợp tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 được soát xét, thay đổi và được cơ quan có thẩm quyền công bố thì áp dụng theo phiên bản mới.

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan hành chính nhà nước, bao gồm các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân (UBND) các cấp và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

Theo Quyết định này, các cơ quan hành chính nhà nước phải thực hiện việc xây dựng và

áp dụng hệ thống quản lý chất lượng đối với toàn bộ hoạt động liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức. Cơ quan hành chính nhà nước thuộc lĩnh vực quốc phòng và an ninh có hoạt động liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính cho công dân, tổ chức dân sự phải thực hiện việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng đối với toàn bộ các hoạt động đó.

Mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng bao gồm hệ thống văn bản, danh mục các thủ tục hành chính, quy trình xử lý công việc trong các cơ quan hành chính nhà nước. Trên cơ sở kết quả của Đề án 30, Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng cho từng loại hình cơ quan hành chính tại địa phương, hoàn thành và công bố trước ngày 31/12/2010; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có hệ thống cơ quan ngành dọc đóng tại địa phương phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng mô

hình khung hệ thống quản lý chất lượng cho từng loại hình cơ quan ngành dọc đóng tại địa phương, hoàn thành và công bố trước ngày 31/12/2010.

Căn cứ mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh tiến hành việc rà soát tình hình thực hiện, lập và phê duyệt kế hoạch triển khai đối với các cơ quan chưa triển khai áp dụng; mở rộng lĩnh vực áp dụng đối với các cơ quan hành chính nhà nước đã xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng và các cơ quan hành chính nhà nước đã được phê duyệt kế hoạch và đang triển khai xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng trước ngày 30/9/2009, nhằm đảm bảo tất cả các cơ quan, đơn vị trực thuộc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng đối với toàn bộ hoạt động liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức. Kế hoạch phải được phê duyệt trước ngày 31/10/2011 và gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, theo dõi và phối hợp thực hiện.

Căn cứ kết quả của Đề án 30, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, đến ngày 31/12/2012, phải hoàn thành việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng đối với toàn bộ hoạt động liên quan đến giải

quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức.

Các cơ quan ngành dọc đóng tại địa phương trực thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, đến ngày 31/12/2012, phải hoàn thành việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo mô hình khung do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng và công bố.

UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan chuyên môn trực thuộc, đến ngày 31/12/2013, phải hoàn thành xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo mô hình khung do Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng và công bố.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và UBND cấp tỉnh phải xác định việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng là một nội dung bắt buộc của công tác cải cách hành chính và là tiêu chí để xem xét, quyết định việc thi đua, khen thưởng hàng năm đối với các cơ quan hành chính; chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì hiệu lực, hiệu quả của hệ thống quản lý chất lượng tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/11/2009.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA

Ngày 01/10/2009, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg ban hành Quy chế chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20/11/2009 và thay thế Quyết định số 211/1998/QĐ-TTg ngày 31/10/1998 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA ở Việt Nam.

Quy chế này áp dụng cho các đối tượng là chuyên gia nước ngoài tham gia quản lý và thực hiện các chương trình, dự án ODA tại Việt Nam và các thành viên gia đình của họ; áp dụng đối với các chương trình, dự án tài trợ bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

Chuyên gia nước ngoài và thành viên gia đình của các chuyên gia này không phân biệt quốc tịch đều được Nhà nước Việt Nam đối xử

bình đẳng và bảo hộ tài sản và thu nhập hợp pháp trong thời gian làm việc và lưu trú tại Việt Nam. Ngoài những quyền lợi được hưởng theo quy định tại Quy chế này và các quyền lợi hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam, các chuyên gia và thành viên gia đình của họ có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định của Quy chế này và quy định tại các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Theo Quy chế này, các chuyên gia và thành viên gia đình của họ được cấp thị thực Việt Nam có giá trị xuất nhập cảnh nhiều lần theo đề nghị của cơ quan chủ quản chương trình, dự án ODA. Trong trường hợp khẩn cấp, nếu bên Việt Nam xét thấy cần thiết phải bảo đảm an ninh, an toàn tính mạng và tài sản cho chuyên gia và thành viên gia đình của họ, thì chuyên gia và thành viên gia đình của họ được hưởng chế độ xuất cảnh áp dụng như đối với viên chức ngoại giao của nước ngoài đang công tác tại Việt Nam và phù hợp với quy định của Pháp lệnh về nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

Chuyên gia và thành viên gia đình của chuyên gia nước ngoài được mang ngoại tệ vào Việt Nam theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam; được chuyển đổi ra ngoại tệ và mang ra khỏi Việt Nam các khoản thu nhập từ

tiền lương, tiền công thực hiện chương trình, dự án ODA hoặc các khoản thu nhập hợp pháp khác theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

Chuyên gia nước ngoài và các thành viên gia đình của họ được hưởng các ưu đãi khác về đăng ký lưu trú, đi lại, cấp đổi bằng lái xe, đăng ký biển số xe, chuyển đổi bằng lái xe và đăng ký biển số xe theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Trong thời gian công tác tại Việt Nam, chuyên gia nước ngoài được miễn thuế thu nhập cá nhân đối với các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công thực hiện chương trình, dự án ODA. Tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của chuyên gia và thành viên gia đình của họ tại Việt Nam được miễn trung thu, trưng dụng, tịch thu. Việc chuyển về nước các tài sản này cũng như việc bán lại chúng trên lãnh thổ Việt Nam phải được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Trong thời gian lưu trú tại Việt Nam, chuyên gia và thành viên gia đình của họ được miễn đóng góp cá nhân vì lợi ích công cộng, an ninh, quốc phòng của Nhà nước Việt Nam. Chuyên gia được miễn đăng ký chuyên môn, giấy phép hành nghề và được miễn việc cấp giấy phép lao động.

(Xem toàn văn tại: www.moc.gov.vn)

Thông tư số 33/2009/TT-BXD của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phân loại, phân cấp công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị

Ngày 30/9/2009, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 33/2009/TT-BXD ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phân loại, phân cấp công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị, mã số QCVN 03:2009/BXD.

Quy chuẩn này qui định loại và cấp công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ

tầng kỹ thuật đô thị, bao gồm công trình xây mới và cải tạo sửa chữa. Đối tượng áp dụng của Quy chuẩn này là các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xây dựng các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị trên lãnh thổ Việt Nam.

Theo Quy chuẩn này, công trình dân dụng bao gồm nhà ở và các công trình công cộng.

Trong đó nhà ở được phân ra làm 2 loại là nhà ở chung cư và nhà ở riêng lẻ; công trình công cộng bao gồm: công trình giáo dục, y tế, thể thao, văn hoá, công trình thương mại và dịch vụ; công trình thông tin, truyền thông; nhà ga hàng không, đường thuỷ, đường sắt, bến xe ô tô, nhà đa năng, khách sạn, ký túc xá, nhà khách, nhà nghỉ, trụ sở cơ quan hành chính nhà nước, trụ sở làm việc của các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị xã hội và tổ chức khác.

Công trình công nghiệp được phân loại bao gồm: các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng (xi măng, gạch ốp lát, gạch ngói đất sét nung, sứ vệ sinh, kính, bê tông và cấu kiện bê tông, mỏ khai thác đá), công trình khai thác than, quặng, công trình dầu khí (giàn khoan thăm dò, khai thác trên biển, nhà máy lọc dầu, chế biến khí, kho xăng dầu, kho chứa khí hoá lỏng, tuyến ống dẫn khí, dầu), công nghiệp nặng (nhà máy luyện kim màu, luyện, cán thép, nhà máy cơ khí chế tạo máy động lực và máy công cụ, chế tạo thiết bị công nghiệp và thiết bị toàn bộ, nhà máy lắp ráp, sản xuất ô tô, xe máy, công trình năng lượng, CN hoá chất và hoá dầu), công nghiệp nhẹ: công nghiệp thực phẩm và các công trình CN nhẹ khác, công nghiệp chế biến thuỷ sản.

Nhà chung cư được phân thành 4 cấp, nhà ở riêng lẻ được phân thành 2 cấp. Cấp của nhà chung cư và nhà ở riêng lẻ có các tầng hầm được chọn theo cấp cao hơn căn cứ số tầng trên mặt đất hoặc số tầng hầm. Công trình công cộng được phân thành 5 cấp, trong đó có cấp đặc biệt và các cấp từ I đến IV. Việc phân cấp các công trình công nghiệp được chia thành 5 cấp. Công trình xây dựng công nghiệp thuộc dây chuyền công nghệ sản xuất chính được phân cấp theo quy mô sản xuất hoặc đặc điểm công nghệ. Các công trình công nghiệp không nằm trong dây chuyền công nghệ sản xuất chính, căn cứ tầm quan trọng của công trình hoặc qui mô của kết cấu.

Công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị được phân loại bao gồm: công trình cấp nước, thoát nước, xử lý rác thải, chiếu sáng công cộng, công viên, nghĩa trang đô thị, ga ra ô tô, xe máy, tuyen kỹ thuật, kết cấu hạ tầng giao thông đô thị. Công trình hạ tầng kỹ thuật cũng được phân thành 5 cấp.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/3/2010.

(Xem toàn văn tại: www.moc.gov.vn)

Thông tư số 34/2009/TT-BXD của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 42/2009/NĐ-CP của Chính phủ về phân loại đô thị

Ngày 30/9/2009, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 34/2009/TT-BXD quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 42/2009/NĐ-CP của Chính phủ về phân loại đô thị, bao gồm: các tiêu chuẩn phân loại đô thị; cách tính điểm đánh giá phân loại đô thị; hồ sơ đề án phân loại đô thị; chương trình phát triển đô thị.

Theo đó, khi lập Đề án phân loại đô thị, cần xác định trên cơ sở chỉ tiêu cụ thể của 6 tiêu chuẩn gồm: chức năng của đô thị (vị trí,

vai trò, tính chất, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội); quy mô dân số toàn đô thị; mật độ dân số đô thị; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp; hệ thống công trình hạ tầng; kiến trúc, cảnh quan đô thị.

Nguyên tắc tính điểm đánh giá phân loại đô thị: Tổng số điểm của 6 tiêu chuẩn phải đạt tối thiểu 70/100 điểm. Trong đó, điểm tối đa của tiêu chuẩn chức năng đô thị là 15 điểm; quy mô dân số đô thị đạt tối đa 10 điểm; mật độ dân số đô thị đạt tối đa 5 điểm; tỷ lệ lao động phi nông

nghiệp đạt tối đa 5 điểm; hệ thống công trình hạ tầng đô thị đạt tối đa 55 điểm; kiến trúc, cảnh quan đô thị đạt tối đa 10 điểm.

Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt đề án phân loại đô thị, theo quy định tại Thông tư này bao gồm: Tờ trình của cơ quan có thẩm quyền; Đề án đề nghị công nhận loại đô thị; Bảng video hoặc đĩa hình về tình hình phát triển đô thị đề nghị xếp loại (20-25 phút); Hồ sơ bản vẽ phục vụ báo cáo thẩm định: 01 bộ hồ sơ đúng tỷ lệ.

Hồ sơ lưu tại cơ quan thẩm định bao gồm: Các văn bản có liên quan; Quyết định công nhận loại đô thị của cấp có thẩm quyền; Đề án đề nghị công nhận loại đô thị; Đĩa CD (hoặc VCD) lưu toàn bộ phần văn bản và bản vẽ của đề án; Đĩa DVD phim minh họa.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.moc.gov.vn)

Thông tư số 184/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, lệ phí độc quyền thăm dò khoáng sản

Ngày 15/9/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 184/2009/TT-BTC quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, lệ phí độc quyền thăm dò khoáng sản.

Đối tượng áp dụng của Thông tư này là các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép hoạt động khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản; tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép thăm dò khoáng sản.

Trường hợp trả lại giấy phép thăm dò hoặc trả lại một phần diện tích độc quyền thăm dò khoáng sản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép thì không phải nộp lệ phí độc quyền thăm dò đối với thời gian còn lại kể từ ngày giấy phép thăm dò chấm dứt hiệu lực.

Mức thu lệ phí theo quy định tại Thông tư này như sau:

- Đối với hoạt động khảo sát: 2.000.000 đồng/1 giấy phép.

- Đối với hoạt động thăm dò: 4.000.000 đồng/ 1 giấy phép với diện tích thăm dò dưới 100ha; diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha: 10.000.000 đồng/ 1 giấy phép; diện tích thăm dò trên 50.000 ha: 15.000.000 đồng/ 1 giấy phép.

- Đối với hoạt động chế biến khoáng sản: 10.000.000 đồng/ 1 giấy phép.

- Đối với hoạt động khai thác tận thu: 5.000.000 đồng/ 1 giấy phép.

Trường hợp cấp gia hạn giấy phép, cấp lại giấy phép khi chuyển nhượng, thừa kế thì người được gia hạn giấy phép, người được chuyển nhượng, thừa kế phải nộp lệ phí tính bằng 50% mức lệ phí tương ứng với các mức thu nêu trên.

Mức thu lệ phí độc quyền thăm dò khoáng sản được quy định như sau: năm thứ nhất là 50.000 đồng/ha/năm, năm thứ hai là 80.000 đồng/ha/năm, năm thứ ba và thứ tư trở đi là 100.000 đồng/ha/năm.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký và thay thế Thông tư số 20/2005/TT-BTC ngày 16/3/2005 của Bộ Tài

chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản và Thông tư số 18/2003/TT-BTC ngày 10/01/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ

thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí độc quyền thăm dò khoáng sản.

(Xem toàn văn tại: www.mof.gov.vn)

Thông tư số 185/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn việc huy động và quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư cho các dự án đầu tư (giai đoạn 2) thuộc Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long

Ngày 17/9/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 185/2009/TT-BTC hướng dẫn việc huy động và quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư cho các Dự án đầu tư (giai đoạn 2) thuộc Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long. Đối tượng áp dụng Thông tư này là các dự án đầu tư (giai đoạn 2) thuộc Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long tại 08 tỉnh, thành phố Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Tiền Giang, Vĩnh Long, Hậu Giang, Cần Thơ theo Quyết định số 1151/QĐ-TTg ngày 26/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ và các dự án cụm, tuyến dân cư bổ sung được Thủ tướng Chính phủ cho phép áp dụng theo các cơ chế chính sách quy định tại Quyết định số 1151/QĐ-TTg; không bao gồm nhà ở cho các hộ dân vào ở trong các cụm, tuyến dân cư.

Các công trình, hạng mục công trình thuộc cụm, tuyến dân cư được sử dụng các nguồn vốn đầu tư theo quy định tại Thông tư này bao gồm: Tôn nền phần diện tích xây dựng các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật; Tôn nền phần diện tích xây dựng nhà ở; Đắp bờ bao; Xây dựng các công trình thu gom rác, các công trình kê chống sạt lở các cụm, tuyến dân cư; Xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu trong cụm, tuyến dân cư (gồm các

công trình giao thông nội bộ, cấp nước sinh hoạt và thoát nước).

Thông tư này quy định về cơ cấu vốn đầu tư và mục đích sử dụng như sau:

- Vốn ngân sách trung ương cấp để đầu tư tôn nền phần diện tích xây dựng các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật (HTKT); 80% chi phí đắp bờ bao và 50% chi phí xây dựng các công trình HTKT thiết yếu trong cụm tuyến dân cư.

- Vốn ngân sách địa phương; tiền thu được từ bán nền nhà sinh lợi trong các cụm, tuyến dân cư; các nguồn vốn lồng ghép và vốn huy động hợp pháp khác đảm bảo đủ 20% chi phí đắp bờ bao và 50% chi phí xây dựng các công trình HTKT thiết yếu trong cụm tuyến dân cư.

Cùng với việc bố trí vốn trong cân đối ngân sách địa phương hàng năm, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động lồng ghép các chương trình mục tiêu để đầu tư như Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, Chương trình kiên cố hoá kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn trong các cụm tuyến dân cư thuộc phạm vi quản lý; huy động các nguồn vốn đóng góp của người dân được thụ hưởng từ Chương trình (như đóng góp bằng tiền, bằng ngày công) và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

- Vốn vay từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam bao gồm: Vốn vay với lãi suất 0% để đầu tư tôn

nền phần diện tích xây dựng nhà ở (không bao gồm phần diện tích nền nhà sinh lợi bán để tạo vốn); Vốn vay với lãi suất hiện hành để đầu tư xây dựng các công trình thu gom rác, các công trình kê chống sạt lở các cụm, tuyến dân cư.

- Vốn ngân sách địa phương và vốn huy động hợp pháp khác để đầu tư tôn nền phần diện tích nền nhà sinh lợi bán để tạo vốn xây dựng các công trình HTKT thiết yếu trong cụm, tuyến dân cư.

UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định việc bán nền nhà sinh lợi không quá 30% diện tích nền nhà trong các cụm, tuyến dân cư để bổ sung vốn đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu, nhưng phải đảm bảo đủ diện tích để đưa hết số hộ nghèo vào ở trong các cụm, tuyến dân cư. Việc xác định giá đất nền nhà sinh lợi trên các cụm tuyến dân cư thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

UBND cấp tỉnh được chủ động điều tiết tiền thu được từ bán nền nhà sinh lợi trên các cụm tuyến dân cư từ nơi có điều kiện thuận lợi (bán được nhiều) đến nơi không thuận lợi (không bán được hoặc bán được ít).

Toàn bộ tiền thu được từ bán nền nhà sinh lợi phải nộp vào ngân sách nhà nước để đầu tư cho các dự án giai đoạn 2 và hoàn trả vốn vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát thanh toán theo quy định đối với vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Đối với vốn ngân sách trung ương cấp, vốn ngân sách địa phương, vốn vay từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam (sau khi chuyển về ngân sách tỉnh, thành phố) và vốn huy động từ bán nền nhà sinh lợi để đầu tư cho các dự án giai đoạn 2 được kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán, nếu kết thúc năm kế hoạch không sử dụng hết thì được chuyển tiếp sang năm sau để thực hiện.

Việc tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng; thanh toán khối lượng hoàn thành thực hiện theo hướng

dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 27/2007/TT-BTC ngày 03/4/2007 về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước; Thông tư số 130/2007/TT-BTC ngày 02/11/2007 sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BTC ngày 03/4/2007 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Việc quyết toán vốn đầu tư đối với vốn ngân sách trung ương cấp, vốn ngân sách địa phương, vốn vay từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam, vốn huy động từ bán nền nhà sinh lợi được thực hiện như sau:

- Quyết toán vốn đầu tư hàng năm: Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 53/2005/TT-BTC ngày 23/6/2005 về lập, thẩm định báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm; Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 về xử lý ngân sách cuối năm và lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

- Quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành: Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 33/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước; Thông tư số 98/2007/TT-BTC ngày 09/8/2007 về sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 33/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

- Đối với các nguồn vốn khác: Thực hiện theo quy định hiện hành tương ứng với từng nguồn vốn.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành. Các chế độ quy định tại Thông tư này được áp dụng từ năm ngân sách 2009./.

(Xem toàn văn tại: www.mof.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG**Quyết định số 18/2009/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc phân cấp, uỷ quyền quyết định đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, lựa chọn nhà thầu các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý**

Ngày 11/9/2009, UBND tỉnh Quảng Trị đã ban hành Quyết định số 18/2009/QĐ-UBND về việc phân cấp, uỷ quyền quyết định đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, lựa chọn nhà thầu các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý.

Theo Quyết định này, UBND tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã (UBND cấp huyện) quyết định đầu tư các dự án nhóm B, C trong phạm vi và khả năng cân đối ngân sách của địa phương theo quy định của Luật Ngân sách và các nguồn vốn khác do huyện huy động (không giới hạn tổng mức đầu tư).

Uỷ quyền Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư các dự án do cấp huyện quản lý thuộc nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, chương trình 135, chương trình phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ có tổng mức đầu tư dưới 5 tỷ đồng sau khi đã có chủ trương đầu tư của UBND tỉnh.

Uỷ quyền Giám đốc sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư các dự án do cấp tỉnh quản lý có tổng mức đầu tư dưới 2 tỷ đồng sau khi được UBND tỉnh thông qua danh mục đầu tư.

Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư các dự án do cấp tỉnh quản lý có tổng mức đầu tư từ 2 tỷ đồng trở lên và các dự án do cấp huyện quản lý sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu, vốn Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven

biển và hải đảo, vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ có tổng mức đầu tư từ 5 tỷ đồng trở lên.

Tuỳ theo điều kiện cụ thể của từng địa phương, Chủ tịch UBND cấp huyện phân cấp cho Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã) quyết định đầu tư các dự án sử dụng ngân sách xã và ngân sách huyện hỗ trợ trên cơ sở các quy định hiện hành đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương; không phân cấp và uỷ quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư các dự án Chủ tịch UBND tỉnh uỷ quyền cho Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư.

Theo Quyết định này, người quyết định đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định đối với các dự án trước khi phê duyệt. Đầu mối thẩm định dự án là cơ quan chuyên môn trực thuộc cấp quyết định đầu tư.

Việc lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 58/2008/NĐ-CP ngày 05/5/2008 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng.

Người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư công trình phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu và kết quả đấu thầu.

Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư. Riêng các dự án mua sắm thiết bị sử dụng vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu và vốn Chương trình mục tiêu quốc gia do Chủ tịch

UBND tỉnh quyết định đầu tư thì Sở Tài chính thẩm tra phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu trình UBND tỉnh.

Việc điều chỉnh dự án đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án xây dựng công trình. Trường hợp điều chỉnh dự án được uỷ quyền quyết định đầu tư thì

người được uỷ quyền tiếp tục quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về quyết định của mình.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.quangtri.gov.vn)

Quyết định số 21/2009/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định về chính sách ưu đãi đầu tư vào Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp

Ngày 11/9/2009, UBND tỉnh Đồng Tháp đã có Quyết định số 21/2009/QĐ-UBND ban hành Quy định về chính sách ưu đãi đầu tư vào Khu Kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp. Quy định này áp dụng một số chính sách ưu đãi đầu tư cho tất cả các hoạt động đầu tư trong Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp đối với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và các nhà đầu tư nước ngoài (gọi chung là nhà đầu tư) tham gia đầu tư sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Theo Quy định này, nhà đầu tư tham gia đầu tư, kinh doanh tại Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp được hưởng ưu đãi đầu tư đối với các lĩnh vực: xuất nhập khẩu; tạm nhập, tái xuất; vận chuyển hàng hoá quá cảnh phù hợp với Hiệp định vận tải quá cảnh hàng hoá; kho ngoại quan; siêu thị miễn thuế; hội chợ triển lãm; các cửa hàng giới thiệu sản phẩm; các cơ sở sản xuất; gia công hàng hoá xuất, nhập khẩu; các chi nhánh đại diện các công ty trong và ngoài nước; chợ trong khu kinh tế cửa khẩu; đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội; du lịch; dịch vụ tài chính; ngân hàng theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhà đầu tư có dự án đầu tư vào các ngành nghề được quy định tại Phụ lục 1 được ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư sẽ được hưởng ưu đãi đầu tư.

Nhà đầu tư có dự án đầu tư vào Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp được hưởng ưu đãi về danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Nhà đầu tư được hưởng ưu đãi đầu tư theo Quy định này phải được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.

Nhà đầu tư tham gia đầu tư vào Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp, bên cạnh việc được hưởng các chính sách ưu đãi của Chính phủ về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và tiền thuê mặt nước, ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế xuất, nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt... còn được hưởng những chính sách ưu đãi của tỉnh Đồng Tháp, bao gồm chi phí đào tạo lao động, hỗ trợ xúc tiến thương mại, hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng và phí sử dụng hạ tầng, thủ tục hành chính, giá dịch vụ và lệ phí hành chính...

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 80/2005/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư vào khu cửa khẩu chính Dinh Bà tỉnh Đồng Tháp, Quyết định số

52/2005/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định về chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư vào khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp.

(Xem toàn văn tại: www.dongthap.gov.vn)

Quyết định số 33/2009/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định về cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang

Ngày 09/9/2009, UBND tỉnh An Giang đã có Quyết định số 33/2009/QĐ-UBND ban hành Quy định về cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 72/2007/QĐ-UBND ngày 01/11/2007 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định về cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang.

Quy định này điều chỉnh các hoạt động về công tác cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang.

Đối tượng áp dụng Quy định này là các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa công trình trên địa bàn tỉnh An Giang. Những nội dung về đầu tư xây dựng không nêu trong Quy định này thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

Theo Quy định này, trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng, trừ các công trình được miễn giấy phép xây dựng, bao gồm: công trình thuộc bí mật Nhà nước; công trình xây dựng theo lệnh khẩn cấp; công trình tạm phục vụ xây dựng công trình chính; công trình xây dựng theo tuyến không đi qua đô thị nhưng phù hợp với quy hoạch xây dựng được duyệt; công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng đã được Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cấp Bộ, Chủ tịch UBND các cấp quyết định đầu tư (trừ công trình chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật);

công trình xây dựng thuộc dự án khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu nhà ở có quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; công trình sửa chữa, cải tạo, lắp đặt thiết bị bên trong không làm thay đổi kiến trúc, kết cấu chịu lực và an toàn của công trình; công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp nước, thoát nước, giao thông, điện, thông tin liên lạc...) quy mô nhỏ và có tổng mức đầu tư dưới 7 tỷ đồng thuộc các xã vùng sâu, vùng xa không nằm trong các khu vực bảo tồn di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hoá; nhà ở riêng lẻ tại vùng sâu, vùng xa không thuộc đô thị, không thuộc điểm dân cư tập trung, nhà ở riêng lẻ tại các điểm dân cư nông thôn chưa có quy hoạch xây dựng được duyệt, không nằm ven quốc lộ, tỉnh lộ (trong giới hạn tính từ hành lang lộ giới ra 50 m đối với quốc lộ và 30 m đối với tỉnh lộ).

Việc cấp giấy phép xây dựng tạm chỉ áp dụng đối với công trình có công năng sử dụng không phù hợp với những vùng quy hoạch xây dựng được duyệt và công bố nhưng chưa thực hiện. Quy mô công trình được phép xây dựng mới tạm không quá 02 tầng, có kết cấu đơn giản, dễ tháo dỡ khi thực hiện xây dựng theo quy hoạch xây dựng. Trường hợp cải tạo cho phép cải tạo với quy mô hiện hữu.

Về cấp giấy phép xây dựng:

Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng đối với công trình và nhà ở đô thị bao gồm:

- 01 đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng;

- 01 bản sao (có chứng thực hoặc bản sao không có chứng thực thì phải kèm bản chính để đối chiếu tại nơi tiếp nhận hồ sơ) một trong các loại giấy tờ về quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất theo quy định;

- 01 bản sao (có chứng thực hoặc bản sao không có chứng thực thì phải kèm bản chính để đối chiếu tại nơi tiếp nhận hồ sơ) bản đồ trích đo khu đất hoặc hồ sơ kỹ thuật khu đất đối với trường hợp đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng công trình;

Hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng đối với nhà ở nông thôn bao gồm:

- 01 đơn đề nghị cấp phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 06 của Quy định này;

- 01 bản sao (có chứng thực hoặc bản sao không có chứng thực thì phải kèm theo bản chính để đối chiếu tại nơi tiếp nhận hồ sơ) một trong những giấy tờ về quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 8 của Quy định này;

- Sơ đồ mặt bằng xây dựng công trình thể hiện rõ các kích thước và diện tích chiếm đất các nhà, các công trình phụ trên lô đất, khoảng cách tới các công trình xung quanh, các điểm đấu nối điện, thông tin liên lạc, cấp thoát nước với các công trình hạ tầng kỹ thuật công cộng bên ngoài (nếu có);

- Sơ đồ mặt bằng do chủ nhà lập hoặc thuê cá nhân lập và trên bản vẽ phải ghi rõ tên chủ nhà, địa chỉ nơi ở, địa điểm xây dựng và tên, địa chỉ người vẽ sơ đồ theo mẫu tại Phụ lục số 06 của Quy định này.

Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng cho một công trình thuộc dự án đã có ý kiến đóng góp thiết kế cơ sở:

- 01 đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 05 của Quy định này;

- 01 bản sao (có chứng thực hoặc bản sao không có chứng thực thì phải kèm theo bản chính để đối chiếu tại nơi tiếp nhận hồ sơ) một trong những giấy tờ về quyền sở hữu nhà,

quyền sử dụng đất được quy định tại Điều 8 của Quy định này;

- 01 bản sao (có chứng thực hoặc bản sao không có chứng thực thì phải kèm theo bản chính để đối chiếu tại nơi tiếp nhận hồ sơ) bản đồ trích đo khu đất hoặc hồ sơ kỹ thuật khu đất đối với trường hợp đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- 01 bản sao văn bản tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở;

- 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng công trình (áp dụng đối với trường hợp hồ sơ xin phép xây dựng có thay đổi so với hồ sơ thiết kế cơ sở).

VỀ GIA HẠN GIẤY PHÉP XÂY DỰNG:

Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng bao gồm: 01 đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng + Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp

VỀ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG (THAY ĐỔI THIẾT KẾ):

Hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng bao gồm:

- 01 đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng theo mẫu

- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp;

- Bản vẽ thiết kế điều chỉnh;

- Những giấy tờ chứng minh về quyền sử dụng đất và bản đồ trích đo khu đất hoặc hồ sơ kỹ thuật khu đất (trong trường hợp thiết kế có thay đổi về diện tích sử dụng đất).

Thời gian cấp giấy phép xây dựng không quá 10 ngày làm việc đối với nhà ở riêng lẻ, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; đối với các công trình khác không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian cấp gia hạn giấy phép xây dựng không quá 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng không quá 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(Xem toàn văn tại: www.angiang.gov.vn)

Nghiệm thu đề tài:

Tiêu chuẩn Việt Nam "Thép kết cấu cán nóng"

Ngày 11/9/2009, Hội đồng KHKT chuyên ngành của Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu kết quả của đề tài chuyển dịch, biên soạn Tiêu chuẩn Việt Nam "Thép kết cấu cán nóng" từ tiêu chuẩn châu Âu EN 10025:2004 do nhóm nghiên cứu của Viện Khoa học Công nghệ xây dựng thực hiện.

Thép kết cấu dùng trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp là vật liệu chủ yếu của công trình, vì vậy ở hầu hết các nước trên thế giới, người ta đều đã xây dựng các tiêu chuẩn về loại vật liệu này.

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của khoa học và công nghệ, thép kết cấu đã xuất hiện ở nhiều nước với những dạng mới và kết cấu mới như thép kết cấu không hợp kim, thép kết cấu cán nóng tiêu chuẩn, thép kết cấu cán nóng cơ nhiệt, thép kết cấu bổ sung hàm lượng crôm và đồng nhằm chống ăn mòn trong môi trường khí quyển, thép kết cấu dạng tấm tôn nguội...

Theo các kết quả khảo sát của nhóm đề tài, ở Việt Nam hiện nay, trong nhiều công trình xây dựng đã sử dụng các sản phẩm thép kết cấu nêu trên. Tuy nhiên, việc kiểm tra, nghiệm thu các sản phẩm này đang phải sử dụng các tiêu chuẩn của nước ngoài. Điều đó ít nhiều thể hiện sự thiếu đồng bộ trong hồ sơ pháp lý và gây phức tạp cho công tác thiết kế, thi công, kiểm

tra và nghiệm thu công trình nói chung. Chính vì vậy, việc chuyển dịch tiêu chuẩn châu Âu EN 10025:2004 về thép kết cấu cán nóng để xây dựng thành tiêu chuẩn Việt Nam là cần thiết.

Trình bày báo cáo thuyết minh tiêu chuẩn trước Hội đồng nghiệm thu, TS. Thái Bá Chu - Chủ trì nhóm nghiên cứu đã giới thiệu phương pháp và quá trình chuyển dịch và xây dựng tiêu chuẩn Việt Nam "Thép kết cấu cán nóng" từ EN 10025:2004 gồm 6 phần: Thép kết cấu cán nóng - yêu cầu kỹ thuật; Thép không hợp kim - yêu cầu kỹ thuật; Thép cán thường hoá, dễ hàn, hạt mịn - yêu cầu kỹ thuật; Thép cán cơ nhiệt; Thép chịu ăn mòn trong môi trường khí quyển; Thép tấm giới hạn chảy cao. Dự thảo tiêu chuẩn được chuyển dịch đúng theo các phần của tiêu chuẩn gốc, có sự tham khảo các tiêu chuẩn khác có liên quan, dễ hiểu và dễ sử dụng. Tiêu chuẩn này được áp dụng cho riêng từng loại thép.

Sau khi nghe báo cáo thuyết minh của nhóm đề tài, các ý kiến của phản biện và các thành viên, phát biểu tiếp thu của nhóm đề tài, Hội đồng đã nhất trí nghiệm thu sản phẩm của đề tài với kết quả xếp loại Khá.

Minh Tuấn

Hướng dẫn thiết kế lớp vỏ bao che cho công trình kiến trúc nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

Ngày 18/9/2009 Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã nghiệm thu các kết quả nghiên cứu của đề tài: "Hướng dẫn thiết kế lớp vỏ bao che cho công trình kiến trúc nhằm sử

dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả", do Viện Kiến trúc, Quy hoạch đô thị - nông thôn Bộ Xây dựng thực hiện.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài được xác

định là nghiên cứu các giải pháp cấu tạo kiến trúc lớp vỏ bao che ngoài và vật liệu cách nhiệt; vật liệu lấy sáng thông qua lớp vỏ bao che ngoài nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho công trình kiến trúc.

Thiết kế bao che cho công trình kiến trúc là thiết kế lớp vỏ bên ngoài công trình, bao gồm các bộ phận của tường bao ngoài và mái che khép kín các không gian có điều kiện vi khí hậu mà qua đó nâng cao năng lượng nhiệt, ánh sáng được trao đổi từ bên ngoài, hoặc từ những không gian không có điều kiện vi khí hậu vào.

Tường bao ngoài là tất cả các tường trên mặt đất bao gồm tường khối đặc, tường bằng kim loại và kính, cửa sổ và các loại tường khác.

Mái che cho công trình được thiết kế là các loại mái nhà bao gồm mái có lớp cách nhiệt, mái có lớp che nắng, mái có cửa sổ trời, mái bằng kim loại và các loại vật liệu khác.

Với mục tiêu và các nội dung nghiên cứu đã được đặt ra, nhóm đề tài đã nghiên cứu tổng quan về hiện trạng lớp vỏ bao che cho công trình kiến trúc nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại các vùng miền ở nước ta và một số nước trên thế giới.

Việc nghiên cứu cho thấy các công trình kiến trúc được xây dựng tại các đô thị Việt Nam nếu đạt được tiêu chuẩn lý tưởng về mặt vi khí hậu, để sử dụng thuận lợi và thoải mái dễ chịu cho hoạt động của con người bên trong, thì kết cấu vỏ bao che công trình tối thiểu phải có những khả năng như:

- Ngăn chặn được gió lạnh, gió nóng và bức xạ mặt trời, tận dụng được gió mát, kết hợp hạn chế sử dụng máy điều hoà, quạt thông gió vào thời gian thích hợp để tiết kiệm năng lượng;

- Được che nắng tốt vào những lúc cần che và được chiếu nắng tốt vào những lúc cần chiếu để hạn chế mặt trời chiếu trực tiếp;

- Được cách nhiệt hợp lý theo từng hướng để hạn chế truyền nhiệt vào trong do bức xạ mặt trời chiếu trực tiếp lên vỏ kết cấu bao che;

- Được che mưa hắt tốt cho các lỗ cửa và được chống mưa thấm tốt cho các kết cấu bao che theo từng hướng;

- Được chống nồm tốt ở những vùng có khả năng xảy ra hiện tượng nồm;

Kết cấu vỏ bao che công trình kiến trúc được thiết kế đáp ứng những yêu cầu nêu trên sẽ giảm được tiêu thụ năng lượng sử dụng cho việc tạo ra tiện nghi vi khí hậu.

Nhóm đề tài đã nghiên cứu tổng quan kinh nghiệm thực tế về lớp kết cấu vỏ bao che trong các dạng công trình như: Nhà ở, văn phòng, công trình công cộng, công nghiệp,... có quy mô từ nhỏ đến lớn và cả các công trình thấp tầng, cao tầng... đã được xây dựng qua các thời kỳ và ở các vùng miền có các đặc điểm khí hậu khác nhau ở nước ta và một số nước khác. Các lớp vỏ bao che của các công trình kiến trúc này đều được cấu tạo phù hợp đặc điểm khí hậu xây dựng và có tác dụng hạn chế tối đa các ảnh hưởng bất lợi của khí hậu bên ngoài, tạo điều kiện tiện nghi vi khí hậu thuận lợi bên trong nhà. Như vậy, các lớp vỏ bao che này đã có tác dụng tiết kiệm năng lượng sử dụng để tạo ra điều kiện tiện nghi vi khí hậu thuận lợi bên trong công trình.

Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các công trình kiến trúc tại các đô thị nước ta là hạn chế việc sử dụng năng lượng điều hoà không khí, thông gió nhân tạo ở bên trong công trình.

Nhóm đề tài đã nghiên cứu các cơ sở khoa học và đề xuất các nguyên tắc, giải pháp cụ thể để hướng dẫn thiết kế lớp vỏ bao che cho công trình kiến trúc nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ở Việt Nam.

Trên cơ sở những kết quả nghiên cứu đạt được ở phần trên, nhóm đề tài đã đề xuất dự thảo Hướng dẫn thiết kế lớp vỏ bao che cho công trình kiến trúc nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ở Việt Nam.

Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đánh giá đề tài đã đạt được các yêu cầu đặt ra và xếp loại Khá.

Huyền Phước

Dự án sự nghiệp kinh tế: “Điều tra, khảo sát đánh giá thực trạng nhà ở của các hộ nghèo - Đề xuất chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006-2010 của Chính phủ

Ngày 8/10/2009, Hội đồng nghiệm thu dự án sự nghiệp kinh tế (SNKT) của Bộ Xây dựng đã nghiệm thu các kết quả của Dự án SNKT: “Điều tra, khảo sát đánh giá thực trạng nhà ở của các hộ nghèo. Đề xuất chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006-2010 của Chính phủ”, do ThS. KTS Vũ Xuân Thiện - Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản làm Chủ nhiệm dự án.

Đối với mỗi gia đình, nhà ở là một trong những nhu cầu thiết yếu trong đời sống và cũng là tài sản có giá trị lớn nhất. Nhưng trong điều kiện kinh tế nước ta còn chậm phát triển, thu nhập bình quân đầu người còn thấp thì việc tự tạo lập nhà ở tương đối khàng trang, chắc chắn là vấn đề khó khăn đối với nhiều hộ gia đình, đặc biệt là đối với hộ nghèo.

Ngày 05/02/2007 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 20/2007/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006-2010 với mục tiêu đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo, hạn chế tái nghèo, củng cố thành quả giảm nghèo, tạo cơ hội cho hộ đã thoát nghèo vươn lên khá giả... Một trong các chỉ tiêu cần đạt được của Chương trình là đến năm 2010 thực hiện hỗ trợ để xoá nhà tạm cho các hộ nghèo trên phạm vi cả nước. Thủ tướng đã chỉ đạo và giao Bộ Xây dựng nghiên cứu xây dựng chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở. Để có cơ sở xây dựng chính sách đảm bảo tính khả thi, phù hợp với điều kiện kinh tế trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành, nhất thiết phải tiến hành khảo sát, phân tích thực trạng nhà ở của các hộ nghèo, đánh giá

mô hình huy động ngân sách, phân bổ nguồn lực theo tiến trình hỗ trợ nhà ở cho các địa phương; đánh giá kết quả thực hiện việc hỗ trợ hộ nghèo cải thiện nhà ở, từ đó đề xuất các giải pháp hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở. Vì vậy việc thực hiện Dự án này là rất cần thiết.

Thay mặt nhóm soạn thảo, ThS.KTS Vũ Xuân Thiện đã trình bày báo cáo tóm tắt kết quả của Dự án. Phạm vi nghiên cứu của Dự án bao gồm:

- Điều tra, khảo sát thực trạng nhà ở của các hộ nghèo tại một số địa phương trọng điểm đại diện cho các vùng miền trên phạm vi cả nước.
- Tổng hợp số lượng hộ nghèo có khó khăn về nhà ở của cả nước và từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- Phân tích, nhận xét, đánh giá thực trạng nhà ở của các hộ nghèo.
- Phân tích, đánh giá các chính sách hỗ trợ hộ nghèo cải thiện nhà ở của Nhà nước đã ban hành và kết quả triển khai thực hiện các chính sách đó tại các địa phương.
- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở.

Để đánh giá thực trạng nhà ở của hộ nghèo, nhóm chuyên gia thuộc Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản - Bộ Xây dựng đã phối hợp với một số địa phương đại diện cho các vùng miền trên cả nước tiến hành điều tra, khảo sát đánh giá thực trạng nhà ở của các hộ nghèo tại các tỉnh: Sơn La, Hoà Bình, Hưng Yên, Nam Định, Thanh Hoá, Nghệ An, Gia Lai, Đắk Lắk... Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết nhà ở của các hộ nghèo đều là nhà tạm, nhà đơn sơ, kém chất lượng. Cá biệt một số hộ nghèo cư trú tại

các bãi ngang, bãi bồi ven sông hay tại các xóm liều đô thị, trong những túp lều dột nát, xiêu vẹo, không thể gọi là nhà ở.

Qua số liệu thống kê, những hộ nghèo gặp khó khăn về nhà ở tính đến cuối năm 2008 của cả nước và các vùng cho thấy, số hộ nghèo có khó khăn về nhà ở là trên 710.000 hộ, chiếm gần 26% tổng số hộ nghèo. Số hộ nghèo có khó khăn về nhà ở tại các vùng ĐBSCL là nhiều nhất về số tuyệt đối, đồng thời cũng chiếm tỷ lệ cao nhất so với tổng số hộ nghèo của toàn vùng (47,5%), tiếp theo là vùng Tây Bắc (33%), Đông Bắc (26%), Tây Nguyên (25%).

Để hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở, trước tiên phải đưa ra được yêu cầu về quy mô diện tích và tiêu chuẩn chất lượng nhà ở hỗ trợ xây dựng mới, làm sao vừa phù hợp với tình hình thực tế huy động các nguồn lực hỗ trợ, đồng thời đạt được mục đích là sau khi hỗ trợ, người nghèo phải có nhà tương đối chắc chắn để ở với diện tích ở bình quân không quá thấp, cụ thể như sau: Về quy mô diện tích, nhà ở xây dựng mới phải đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu là 24m²; Về chất lượng phải đảm bảo được “3 cứng” là nền cứng, khung cứng và mái cứng, có bao che kín đáo, tránh được tác động xấu của khí hậu, thời tiết. Tuổi thọ của căn nhà ít nhất phải từ 10 năm trở lên. Căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng huy động nguồn lực hỗ trợ, các địa phương có thể quy định quy mô diện tích nhà ở lớn hơn và chất lượng cao hơn so với yêu cầu trên.

Trong quy định mức hỗ trợ, qua khảo sát thực tế và đề nghị của các địa phương, đồng thời cũng căn cứ vào yêu cầu về quy mô diện tích và chất lượng nhà ở nêu trên thì giá thành mỗi căn nhà vào khoảng 21-22 triệu đồng (tùy từng địa phương), đối với những hộ sinh sống tại các khu vực xa xôi, hẻo lánh, giao thông đi lại khó khăn, cần hỗ trợ thêm chi phí vận chuyển vật liệu cho các hộ này để không ảnh hưởng tới mức hỗ trợ.

Mức hỗ trợ nhà ở phải đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế – xã hội của đất nước, đồng

thời phù hợp với mức hỗ trợ của các chính sách hỗ trợ nhà ở khác của Nhà nước đang còn hiệu lực thi hành. Ngoài nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước, phải huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện đảm bảo đối với căn nhà xây dựng có diện tích sử dụng tối thiểu là 24m², tuổi thọ từ 10 trở lên. Vì vậy nhóm chuyên gia đã đề xuất mức hỗ trợ xây dựng nhà ở như sau:

Vốn hỗ trợ nhà ở từ nguồn vốn ngân sách Trung ương là 6 triệu đồng/hộ, đối với những hộ dân đang sinh sống tại khu vực khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ thì mức hỗ trợ cho các đối tượng này từ ngân sách Trung ương là 7 triệu đồng/hộ. Trong tình hình hiện nay, giá vật liệu tăng cao, việc huy động sự đóng góp của cộng đồng và của chính người dân cũng còn khó khăn, vì vậy ngoài mức hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, đề nghị cho các hộ nghèo có nhu cầu được vay tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách Xã hội để làm nhà ở. Mức vay tối đa là 8 triệu đồng/hộ, lãi suất 3%/năm, thời gian vay là 10 năm, thời gian ân hạn là 5 năm. Thời gian trả nợ tính từ năm thứ 6, mỗi năm mức trả nợ không thấp hơn 20% số vốn đã vay. Đối với các địa phương có rừng, có quy hoạch, kế hoạch khai thác gỗ hàng năm được duyệt thì các địa phương tổ chức khai thác gỗ theo quy định để hỗ trợ hộ nghèo làm nhà ở. Ngoài ra căn cứ tình hình và khả năng ngân sách các địa phương hỗ trợ thêm, đồng thời tăng cường công tác vận động sự đóng góp, giúp đỡ của cộng đồng, dòng họ, nhất là sự giúp đỡ về nhân công và huy động sự đóng góp của chính hộ gia đình để thực hiện. Để được hỗ trợ kinh phí theo quy định, hộ gia đình thuộc diện đối tượng được hỗ trợ nhà ở phải có đơn đăng ký hỗ trợ nhà ở, đề xuất lựa chọn mẫu nhà, phương thức xây dựng nhà ở và gửi lên UBND cấp xã...

Tuy nhiên, tính đến nay số hộ nghèo của nước ta còn nhiều, trong đó số hộ có khó khăn về nhà ở chiếm tỉ lệ cao. Mặt khác trong quá trình thực hiện một số quy định của các chính

sách không còn phù hợp với thực tế hiện nay. Một số đối tượng cần được hỗ trợ về nhà ở không thuộc phạm vi điều chỉnh của các chính sách đã ban hành. Nếu không có sự hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng thì các đối tượng này sẽ khó khăn trong việc tạo lập nhà ở. Vì vậy, việc điều tra khảo sát thực trạng nhà ở của các hộ nghèo làm cơ sở nghiên cứu, xây dựng chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở đảm bảo tính khả thi và phù hợp với thực tế trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành, có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao điều kiện sống của các hộ nghèo, góp phần

thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 – 2010 mà Thủ tướng đã phê duyệt.

Hội đồng nghiệm thu đã đánh giá cao và nghiệm thu các kết quả của Dự án về ý nghĩa thực tiễn, bố cục nội dung hợp lý và khoa học, những vấn đề đề cập trong dự án hoàn toàn chuẩn xác, đánh giá đúng thực trạng của các hộ nghèo hiện nay.

Bích Ngọc

Danh sách các phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng được công nhận tháng 9-2009

Trong tháng 9/2009 đã có 25 phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng được Bộ Xây dựng ra Quyết định công nhận, bổ sung các phép thử và cho phép đi vào hoạt động.

TT	Tên phòng thí nghiệm	Mã số	Quyết định có hiệu lực
1	Bổ sung các phép thử cho Phòng TN chuyên ngành XD thuộc Cty TNHH tư vấn thiết kế XD Quang Anh Số 01 Tầng Bạt Hồ, P. Yên Đổ, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai,	LAS-XD 527	QĐ số 385/QĐ-BXD ngày 03/9/2009 có hiệu lực đến: 12/4/2010
2	Bổ sung các phép thử cho Phòng TN công trình và kiểm định chất lượng XD thuộc Trung tâm kiểm định chất lượng XD Sơn La Số 41 Đường Tô Hiệu, Tp. Sơn La	LAS-XD 605	QĐ số 386/QĐ-BXD ngày 03/9/2009 có hiệu lực đến: 05/12/2010
3	Phòng TN tổng hợp chuyên ngành XD thuộc Cty CP tư vấn XD Sơn An Số 16 Ngõ 12 Xuân Diệu, Tp. Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	LAS-XD 830	QĐ số 387/QĐ-BXD ngày 03/8/2009 có hiệu lực đến: 03/9/2012
4	Phòng TN vật liệu XD và kiểm định chất lượng công trình thuộc Cty Cổ phần xây dựng số 21 Ba La, Phú La, Hà Đông, Hà Nội	LAS-XD 460	QĐ số 391/QĐ-BXD ngày 07/9/2009 có hiệu lực đến: 04/9/2012
5	Phòng TN vật liệu XD thuộc Cty ĐTXD số 2 Hà Nội - TCty đầu tư & PT nhà Hà Nội Làng sinh viên Hacinco, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	LAS-XD 221	QĐ số 392/QĐ-BXD ngày 07/9/2009 có hiệu lực đến: 04/9/2012

6	Trung tâm TN và kiểm định XD thuộc Cty CP tư vấn đầu tư và phát triển đô thị Hà Nội Nhà N6A Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, Hà Nội	LAS-XD 829	QĐ số 394/QĐ-BXD ngày 09/9/2009 có hiệu lực đến: 10/9/2012
7	Phòng TN và kiểm định chất lượng công trình thuộc Cty CP kiểm định XD Á Đông Số 225 Đường Linh Đông, Phường Linh Đông, Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	LAS-XD 417	QĐ số 398/QĐ-BXD ngày 14/9/2009 có hiệu lực đến: 14/9/2012
8	Phòng TN vật liệu XD và kiểm định công trình thuộc Cty CPXD thương mại Miền Nam Số 19 Phạm Ngọc Thạch, Tp. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	LAS-XD 831	QĐ số 399/QĐ-BXD ngày 14/9/2009 có hiệu lực đến: 14/9/2012
9	Phòng TN địa kỹ thuật XD thuộc Cty TNHH TVTK khảo sát địa chất CT Hà Khang Số 71A1 Khu dân cư 91B, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	LAS-XD 832	QĐ số 400/QĐ-BXD ngày 14/9/2009 có hiệu lực đến: 14/9/2012
10	Bổ sung các phép thử cho Phòng TN cơ học đất và VLXD - Cty CP tư vấn XD Bến Tre Số 37 Lô số 4, Phường 1, Thị xã Bến Tre, Tỉnh Bến Tre	LAS-XD 258	QĐ số 401/QĐ-BXD ngày 14/9/2009 có hiệu lực đến: 12/7/2010
11	Phòng TN và kiểm định công trình Vicico thuộc Trung tâm tư vấn quản lý đầu tư và kiểm định XD Vinashin Số 109 Quán Thánh, Ba Đình, Hà Nội	LAS-XD 828	QĐ số 403/QĐ-BXD ngày 15/9/2009 có hiệu lực đến: 15/9/2012
12	Bổ sung các phép thử cho Trung tâm TN và kiểm định chất lượng công trình XD thuộc Cty CP tư vấn thiết kế XD Đà Nẵng Số 21 Trần Quốc Toản, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng	LAS-XD 83	QĐ số 406/QĐ-BXD ngày 17/9/2009 có hiệu lực đến: 12/01/2012
13	Phòng TN cơ học đất và VLXD thuộc Cty TNHH tư vấn XD và thi công Hồng Anh Số 90/5D1 Đường Quang Trung, P.11, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh	LAS-XD 446	QĐ số 413/QĐ-BXD ngày 28/9/2009 có hiệu lực đến: 28/9/2012
14	Bổ sung các phép thử cho Phòng TN chuyên ngành XD và địa chất công trình thuộc Cty CPXD Hà Phương - Phú Thọ Số 870 Hùng Vương Tp. Việt Trì	LAS-XD 780	QĐ số 414/QĐ-BXD ngày 28/9/2009 có hiệu lực đến: 06/6/2012
15	Bổ sung các phép thử cho Phòng TN địa kỹ thuật XD thuộc Cty TNHH tư vấn kiểm định xây dựng và môi trường GCE Số 20 Vành Đai Phi Trường, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ.	LAS-XD 564	QĐ số 415/QĐ-BXD ngày 28/9/2009 có hiệu lực đến: 05/7/2010

16	Phòng TN chuyên ngành XD thuộc Cty CP tư vấn và kiểm định XD Vạn Thành Đạt Số 151A Nguyễn Hữu Cảnh, P.22, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	LAS-XD 427	QĐ số 416/QĐ-BXD ngày 28/9/2009 có hiệu lực đến: 28/9/2012
17	Trung tâm TN vật liệu và kiểm định chất lượng công trình thuộc Cty CP Nam Cường Số 164/1D Đường Trần Ngọc Quế, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	LAS-XD 839	QĐ số 417/QĐ-BXD ngày 28/9/2009 có hiệu lực đến: 28/9/2012
18	Phòng TN vật liệu XD thuộc Cty CP tư vấn Bắc Việt Số 3A Ngõ 1, Tổ 3, Đường Định Công, Phường Định Công, Q. Hoàng Mai-Hà Nội	LAS-XD 833	QĐ số 418/QĐ-BXD ngày 28/9/2009 có hiệu lực đến: 28/9/2012
19	Bổ sung các phép thử cho PTN cơ học đất và VLXD thuộc Cty CP TVTK và kiểm định XD Miền Trung (Cty CP thế giới kỹ thuật) Số 3A Ngõ 3 Nguyễn Sỹ Sách, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An	LAS-XD 703	QĐ số 419/QĐ-BXD ngày 28/9/2009 có hiệu lực đến: 08/10/2011
20	Bổ sung các phép thử cho Phòng TN và kiểm định chất lượng công trình thuộc Cty CP tư vấn đầu tư XD và kiểm định T&T Số 30 Lê Trọng Tấn, Q.Hà Đông, Hà Nội	LAS-XD 776	QĐ số 420/QĐ-BXD ngày 28/9/2009 có hiệu lực đến: 25/5/2012
21	Phòng TN xây dựng công trình thuộc Cty TNHH Kiến trúc công trình Cụm công nghiệp Trường An, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Hà Nội	LAS-XD 834	QĐ số 421/QĐ-BXD ngày 28/9/2009 có hiệu lực đến: 28/9/2010
22	Phòng TN thuộc Cty CP tư vấn xây dựng Đồng Nai Số 130 Nguyễn Ái Quốc (QL1 cũ), Phường Trảng Dài, Tp. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	LAS-XD 121	QĐ số 422/QĐ-BXD ngày 28/9/2009 có hiệu lực đến: 28/9/2012
23	Phòng TN kiểm tra chất lượng cọc thuộc Cty CP kiểm định và kỹ thuật XD Hà Nội Số 73/64 Nguyễn Lương Bằng, Q. Đống Đa, Hà Nội	LAS-XD 452	QĐ số 428/QĐ-BXD ngày 30/9/2009 có hiệu lực đến: 30/9/2012
24	Phòng TN kiểm định chất lượng thuộc Cty cổ phần NEWIND Số 87 Nguyễn Khang, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	LAS-XD 209	QĐ số 429/QĐ-BXD ngày 30/9/2009 có hiệu lực đến: 30/9/2012
25	Phòng TN VLXD thuộc Cty CP An Sinh Số 192/3 Nhà số 4, Phố Hạ Đình, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	LAS-XD 461	QĐ số 430/QĐ-BXD ngày 30/9/2009 có hiệu lực đến: 30/9/2012

Huỳnh Phước

Bê tông thân thiện và hiệu quả với môi trường sinh thái

Theo những đề xuất và các hoạt động lập pháp thời gian gần đây, người ta cho rằng xi măng và bê tông là các tác nhân lớn nhất phát thải khí nhà kính và làm trái đất ấm lên. Nhiều người không chắc rằng có thể chứng minh được hiện tượng trái đất ấm lên hay sự thay đổi khí hậu là do các hoạt động của con người, nhưng những quy định của pháp luật và những hạn chế ảnh hưởng đến ngành công nghiệp xi măng và bê tông là có thật. Thay vì phàn nàn về những thay đổi này, dù là sự thay đổi khí hậu hay quy định, chúng ta cần chủ động giải quyết. Chúng ta cần trở thành ví dụ điển hình về thi công bê tông thân thiện môi trường đồng thời làm cho mọi người hiểu về thực chất của sự phát thải khí nhà kính trong quá trình sản xuất xi măng và bê tông.

Đúng vậy, việc sản xuất xi măng - thành phần quan trọng nhất của bê tông tạo ra một lượng đáng kể carbon dioxide (CO_2). Tuy nhiên, bê tông cũng có những yếu tố tích cực về môi trường. Chúng ta phải thừa nhận cả mặt lợi và hại của nó để lựa chọn ra yếu tố tích cực mà phát triển! Những lợi ích về mặt kiến trúc/xây dựng của bê tông đều đã được biết đến một cách rộng rãi. Cái mà nhiều người không biết về bê tông là:

- Giảm lượng tiêu thụ nhiên liệu của phương tiện giao thông khi thay thế mặt đường asphat.
- Tiết kiệm năng lượng nhờ giảm lượng tiêu thụ điện của các công trình nhà ở, công trình thương mại do giảm được nhu cầu năng lượng vì sự tích nhiệt trong các công trình.
- Giảm sự chênh lệch nhiệt độ thông qua việc giảm thiểu hiện tượng đảo nhiệt đô thị do màu sắc của bê tông sáng giúp phản xạ được ánh sáng mặt trời nhiều hơn.
- Thúc đẩy các hoạt động xây dựng bền vững nhờ tận dụng được bê tông tái chế, xỉ lò

cao, tro bay và silica fume và những vật liệu khác dự định đem chôn lấp.

- Cải thiện hệ thống tiêu thoát và tích trữ nước nhờ sử dụng lớp lát bê tông xốp.

Những người không ủng hộ việc sản xuất xi măng cho rằng mặc dù bê tông có những ưu điểm nhưng sản xuất xi măng tiêu tốn nhiều năng lượng, thường ở dạng than đá và nhiên liệu hóa thạch khác. Ngoài ra, theo Hiệp hội xi măng Portland, quá trình sản xuất xi măng sẽ sinh ra 0,9 lb CO_2 / mỗi pound xi măng.

Kết quả của việc này là sự ra đời năm 2006 của Đạo luật Giải pháp ứng phó với sự ấm nóng trái đất (AB 32) của bang California. Các tiểu bang khác của Mỹ cũng tham khảo Đạo Luật này để xây dựng các đạo luật tương tự. Mục đích của đạo luật này là giảm lượng phát thải khí nhà kính ở California trong 40 năm sau. Nhiều nhà lãnh đạo ngành công nghiệp xi măng cho rằng, đạo luật nói trên sẽ triệt tiêu hoạt động sản xuất xi măng ở bang California, và các bang khác cũng sẽ rơi vào tình trạng tương tự.

Tuy nhiên, bê tông là một loại vật liệu xây dựng phổ biến trên toàn thế giới, do đó, nhu cầu về bê tông sẽ không vì thế mà giảm đi và để tạo ra bê tông, chúng ta cần phải có xi măng. Bằng cách hạn chế sản xuất trong nước, việc nhập khẩu xi măng sẽ tăng lên với chi phí lớn hơn, cả về kinh tế và môi trường, tăng chi phí xây dựng trong khi lại hạn chế số lượng việc làm tại Mỹ.

Cách làm thiên cận là giảm sản lượng xi măng trong nước ở các quốc gia có ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường nhất trên thế giới trong thực tế lại làm tăng lượng khí thải CO_2 trên toàn cầu. Sở dĩ như vậy là vì các nhà sản xuất xi măng nước ngoài có hiệu quả sản xuất thấp hơn so với các nhà máy xi măng ở California, cả về lượng phát thải khí nhà kính và

hiệu quả năng lượng. Hơn nữa, trong quá trình bốc dỡ và vận chuyển các lô hàng xi măng cũng bị rơi vãi gây ô nhiễm cho môi trường xung quanh. Các nhà lãnh đạo ngành công nghiệp xi măng đã khuyến cáo khi tính toán sự tác động của xi măng đối với tổng lượng phát thải khí nhà kính, California nên xem xét các yếu tố toàn cầu để quyết định có nên tiếp tục sản xuất xi măng tại bang này hay không.

Các nhà sản xuất xi măng tại California đã cắt giảm được 50% lượng tiêu thụ năng lượng trong hai thập niên qua. Ngoài ra, lượng phát thải nhà kính cũng được giảm thông qua việc sử dụng xi măng hỗn hợp có chứa thành phần phế thải của đá vôi, xỉ, silica fume và tro bay.

Trong bối cảnh kinh tế khó khăn, nếu xi măng và bê tông trở nên đắt đỏ hơn để đáp ứng các chỉ tiêu về phát thải khí nhà kính, nó sẽ gây ra hiệu ứng ảnh hưởng tới toàn bộ nền kinh tế. Chúng ta cần một giải pháp hợp lý để kiểm soát tất cả các yếu tố này. Mặc dù Đạo luật AB 32

của California đã được ban hành, nhưng chưa được triển khai thực hiện trong thực tế. Cần xem xét những yếu tố giảm nhẹ, bao gồm các biện pháp hành động giúp cho ngành công nghiệp xi măng và bê tông thân thiện với môi trường hơn. Đạo luật AB 32 cũng như các đạo luật tương tự ở các bang khác có thể sẽ khiến cho đầu vào của sản xuất xi măng tăng cao tác động mạnh đến giá thành sản phẩm đầu ra.

Bạn có thể đóng góp sức mình bằng cách tham gia vào quá trình giáo dục, theo cách đơn giản là nói về vấn đề này với gia đình và bạn bè xung quanh. Nếu bạn muốn tham gia chính thức, bạn và tổ chức của bạn hãy liên hệ với các cơ quan môi trường cũng như các đại biểu dân cử, đề nghị họ xem xét vấn đề một cách đầy đủ và đưa ra các hành động phù hợp.

Geoffrey D.Hichborn

Nguồn: www.forconstructionpros.com

ND: Quỳnh Anh

Nghệ thuật điêu khắc bê tông

Nếu có ai đó nói rằng bê tông không phải dành cho điêu khắc thì chắc hẳn người đó chưa gặp T.J Neil hay chưa từng trông thấy các công trình điêu khắc bê tông của ông. T.J Neil được biết đến như là một nhà điêu khắc bê tông nổi tiếng đã hoạt động trong lĩnh vực này trên 35 năm. Trước khi đến với nghệ thuật điêu khắc, ông làm trong lĩnh vực xây dựng, cơ sở để cho ông phát triển sự nghiệp về sau này.

T.J Neil là chủ một doanh nghiệp điêu khắc mang tên ông ở Homosassa, bang Florida. Ông sáng tạo các tác phẩm điêu khắc và tạo hình của mình theo hình thức thủ công bằng tay, không dùng khuôn đúc.

Mặc dù các tác phẩm điêu khắc của Neil có thể phải mất rất nhiều công sức để hoàn thành, nhưng ông cho rằng, yếu tố quan trọng nhất là kết cấu của tác phẩm đó, ông nói: "Từng chi tiết của tác phẩm cũng quan trọng như là toàn bộ

tác phẩm đó trông như thế nào sau khi hoàn thành, tuy nhiên, do các tác phẩm đó thường cao đến 9 fit và nặng hàng tấn và cần phải vận chuyển bằng xe tải đi xa nên kết cấu vững chắc của tác phẩm điêu khắc là rất cần thiết".

Cũng do các tác phẩm điêu khắc bê tông thường có kích thước lớn, các tác phẩm của T.J Neil thường rộng ở bên trong, trừ một số chi tiết được làm đặc. Hầu hết các tác phẩm đó có chân đế được đúc đặc để trọng lượng bên dưới nặng giúp cho tác phẩm điêu khắc đứng vững trên xe tải trong quá trình vận chuyển.

Thông thường các tác phẩm điêu khắc của T.J Neil có đế bê tông dày 8 inch. Sau khi hoàn thành việc đổ bê tông cho đế, Neil tiến hành đặt, uốn và buộc cốt thép để tạo hình dáng cho tác phẩm. Khi cấu trúc của tác phẩm đã xong, Neil sử dụng xi măng poóclăng và cát để tạo thành lớp vỏ của tác phẩm. Lớp vỏ này được

hoàn thiện nhiều lớp, những lớp bê trong sử dụng cát hạt to, lớp ngoài cùng sử dụng cát hạt mịn để tạo độ nhẵn của tác phẩm.

Khi kết cấu được hoàn tất, Neil sử dụng xi măng poclăng và cát để tạo ra lớp bê tông mỏng bao bên ngoài tác phẩm. Ông sử dụng bay để trát làm nhiều lớp vữa, lớp đầu tiên dùng cát thô, lớp vữa sau cùng sẽ dùng cát mịn.

Sau khi lớp vỏ đã khô, Neil sơn lên các tác phẩm của mình bằng sơn ngoại thất Acrylic Latex và phủ bên ngoài bằng sơn Krylon Crystal Clear Acrylic để bảo vệ cho tác phẩm không bị bay màu.

Giống như các loại bê tông khác, bê tông và lớp hoàn thiện của các tác phẩm điêu khắc bê tông cũng trương nở và nứt dưới trời nắng, làm ảnh hưởng tới lớp sơn. Do vậy, T.J. Neil sử dụng sơn pha chì để khắc phục tình trạng này.

Để các tác phẩm của mình trở nên độc đáo hơn, Neil đã sử dụng thêm những kỹ thuật mang tính sáng tạo, đem lại những công năng mới cho tác phẩm. Do các tác phẩm điêu khắc bê tông của T.J Neil thường rỗng bên trong, nên ông có thể tạo ra một con cá heo có thể phun nước như đài phun, hoặc một con rồng thở ra khói nhờ máy tạo khói được lắp đặt bên trong ruột của tác phẩm.

Cũng như các nhà thầu khác, T.J. Neil hiểu tầm quan trọng của việc xây dựng thương hiệu và Internet là một công cụ hết sức đặc lực trong chiến lược tiếp thị của doanh nghiệp. Ngoài việc phát triển trang web www.tjneil.com, ông cũng tích cực đưa hình ảnh các tác phẩm và tên tuổi của mình trên các trang web khác như CNN và Google.

T.J. Neil còn là tác giả của 2 cuốn sách về nghệ thuật điêu khắc bê tông, 1 cuốn dành cho người mới bắt đầu và 1 cuốn dành cho các nhà thầu đã có kinh nghiệm về bê tông. Ngoài ra ông cũng không ngần ngại chia sẻ kinh nghiệm với tất cả các nhà thầu quan tâm đến nghệ thuật điêu khắc bê tông.

Neil là cái tên đầu tiên được biết đến trong



Thi công một công trình điêu khắc bê tông



Một tác phẩm điêu khắc bê tông đã hoàn thiện

lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm điêu khắc bằng bê tông, tuy nhiên ông không hề lo lắng về sự cạnh tranh trên thị trường. Hơn nữa ông còn khuyến khích doanh nghiệp phát triển thị trường này. Ông đưa ra lời khuyên khi doanh nghiệp nào đó muốn bắt đầu sự nghiệp thì nên nghiên cứu thật kỹ, có thể đọc sách, xem video, tìm kiếm thông tin liên quan trên internet và bắt

kỳ cách nào để có thể tích lũy được lượng kiến thức đủ cho công việc. Sau đó để bắt đầu công việc nên thử nghiệm trước khi bước vào thực hiện tác phẩm theo yêu cầu của khách hàng. Neil nói “Không có gì là phép lạ cả, bạn phải cố gắng tự làm mọi thứ và tự học mà thôi.”

Điều khắc bê tông có thể là một lĩnh vực rất sáng tạo, và những nghệ nhân chỉ bị giới hạn bởi trí tưởng tượng của họ. Đây là một nghề kinh doanh kiếm lời lớn và luôn có nhu cầu từ phía khách hàng. Neil nói “Bạn cần phải biết chiều lòng khách hàng với những gì họ muốn”. Thậm

chí có một vài thứ bạn không nhất thiết phải chọn cách của chính mình mà có thể chọn cách thực hiện khác.

Giống như nhiều nhà thầu trang trí bê tông, Neil cũng làm những tác phẩm tạo hình không nhất thiết phải là cái ông thích, nhưng rồi cuối cùng ông vẫn trở thành nhà điêu khắc bê tông nổi tiếng với công việc mình yêu thích.

Nguồn: www.forconstructionpros.com/

ND: Quỳnh Anh

Mô hình tiết kiệm năng lượng trong xây dựng của một số nước ở Châu Âu

Theo thống kê, hiện Trung Quốc có gần 40 tỷ m² xây dựng, phần lớn là những công trình tiêu tốn nhiều năng lượng, mức tiêu thụ năng lượng cả trực tiếp và gián tiếp chiếm 46,7% tổng mức tiêu thụ năng lượng toàn cầu. Một số quốc gia ở châu Âu đã nghiên cứu ra nhiều phương pháp tiết kiệm năng lượng, những phương pháp này không chỉ tiết kiệm lượng lớn nguồn năng lượng mà còn giúp giảm khá nhiều chi phí. Trung Quốc có thể học hỏi kinh nghiệm từ các nước Đức, Đan Mạch, Bỉ... và nhiều quốc gia khác để áp dụng cho sự nghiệp phát triển kinh tế của mình.

1. Làm mát từ nguồn năng lượng mặt trời

Ở châu Âu, CHLB Đức là quốc gia dẫn đầu trong công nghệ sử dụng năng lượng mặt trời để làm mát, hiện trên đất nước này đã có khoảng 30 điểm sử dụng năng lượng mặt trời để làm mát, trong đó, thành phố Freiburg nằm ở phía Tây Nam nước Đức là 1 thí dụ điển hình. Trong trường đại học Freiburg hay ở các khu công nghiệp, không khí trở nên thoáng mát, dễ chịu hơn đều là do người ta sử dụng thiết bị làm mát tận dụng nguồn năng lượng mặt trời.

Về hiệu quả sử dụng năng lượng mặt trời để làm mát, Viện nghiên cứu hệ thống năng lượng

mặt trời của Đức, sau khi tiến hành điều tra tại 24 toà nhà văn phòng hiện đại, đã đưa ra những con số cụ thể như sau: mức tiêu hao năng lượng hàng năm trên mỗi m² của toà nhà vào khoảng từ 300 đến 700 kWh, có một số nơi đạt mức cao 1000 kWh. Nhìn chung công nghệ làm mát ở trường đại học Freiburg, nếu sử dụng phương pháp làm mát thông thường thì lượng điện năng tiêu thụ là 25 kWh. Sau khi lắp đặt thiết bị năng lượng mặt trời, lượng điện năng tiêu thụ là 400W, hàng năm người ta không những tiết kiệm được 150.000kWh điện năng tiêu thụ, mà còn tiết kiệm cả chi phí sử dụng điện.

Ngoài ra, ở Đan Mạch, thông qua những kết cấu bảo vệ cách nhiệt hiệu quả, thiết bị điều khiển kiểm soát năng lượng mặt trời và hệ thống cấp nhiệt thông thường, sử dụng thông gió... nhiều biện pháp kỹ thuật khác, đã giúp giảm lượng lớn chi phí về ga, nước, điện trong các toà nhà từ 60%, 30% và 20%.

Hiện nay, kỹ thuật làm lạnh từ năng lượng mặt trời ở các nước châu Âu đã không còn xa lạ, nhưng có điều giá thành còn cao, chi phí cho mỗi MWh vào khoảng 1.200 đến 2.000 Euro, hơn nữa, chủ thầu phải gánh chịu mức chi phí tăng thêm từ 10-20%, Nếu mức chi phí tăng

thêm, được nhà nước hỗ trợ một phần, doanh nghiệp chịu một phần, và cuối cùng là người tiêu dùng chịu một phần, thì vấn đề sẽ không còn là khó khăn và rất dễ dàng để giải quyết.

2. Bố trí hợp lý thiết bị tiết kiệm năng lượng trong các toà nhà

Bỉ là vương quốc có ngành Xây dựng tương đối phát triển, đặc biệt là trong lĩnh vực xây dựng tiết kiệm năng lượng. Không ít công ty xây dựng khi xây dựng các cao ốc, ngoài việc sử dụng những kỹ thuật phổ biến ở các nước châu Âu như: tăng độ dày cách nhiệt cho tường, sử dụng kính hộp bơm khí trơ cách nhiệt..., người ta còn sử dụng những biện pháp tiết kiệm năng lượng có thể mang lại hiệu quả khá cao như: tận dụng nguồn năng lượng mặt trời, nguồn nước mưa...

Trên đất nước Bỉ, nhiều vùng đã sử dụng hệ thống tiết kiệm năng lượng trong xây dựng bằng cách gắn thiết bị hấp thụ năng lượng mặt trời trên mái nhà, thiết bị tập trung nguồn nước mưa và thiết bị chuyển đổi không khí nóng lạnh.

Lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời sẽ cung cấp nước nóng miễn phí cho những hộ gia đình sinh sống ở toà nhà đó, đồng thời còn giải quyết vấn đề sưởi ấm. Do lượng mưa ở Vương quốc Bỉ tương đối cao, nên việc tập trung dung lượng nước mưa cũng tương đối lớn, lượng nước mưa đã được tập trung có thể sử dụng trong hệ thống chữa cháy tự động và dùng vào việc tưới cây. Lắp đặt thiết bị điều hoà không khí nóng lạnh có thể xử lý được chất thải nhiệt năng trong nhà và hút không khí trong lành từ bên ngoài, để không khí trong nhà luôn được thoáng mát thì phải duy trì lượng không khí mới và nhiệt độ luôn ở mức phù hợp nhất; Ngoài ra, còn có mô hình tiết kiệm năng lượng bằng cách tăng độ dày cho tường cách nhiệt. Nếu các toà nhà sau khi tiết hành lắp đặt thiết bị có chức năng tiết kiệm năng lượng hợp lý, thì có thể giảm tới 50% mức tiêu hao năng lượng.

3. Tiết kiệm năng lượng trong xây dựng có thể giảm lượng lớn chi phí

Thông thường, sau khi làm tốt công tác xây dựng hệ thống tiết kiệm năng lượng và bảo ôn, mức giá thành chi tiêu có thể tăng lên một chút. Ở châu Âu, một số quốc gia như Thụy Điển, Pháp... họ đều có quy định pháp lý tương đối rõ ràng và văn minh, trong xây dựng nhất thiết phải đạt yêu cầu nhất định về tiết kiệm năng lượng. Người ta cũng có quy định bắt buộc riêng dành cho mô hình kính cách nhiệt sử dụng trong xây dựng, do đó, việc sử dụng vật liệu và kỹ thuật tiết kiệm năng lượng đã trở nên quá quen thuộc, sử dụng tương đối phổ biến, giá thành sản xuất luôn hạ ở mức thấp nhất.

Tại khu vực Tây Âu, khi xây dựng mô hình tiết kiệm năng lượng trong xây dựng, thông thường giá thành sẽ bị tăng thêm từ 5%-10% so với mức chi phí ban đầu. Nhưng ở Trung Quốc, nếu xây dựng mô hình tiết kiệm năng lượng giống như vậy, giá thành có thể cao hơn một chút, tuy nhiên nếu làm tốt công tác quy hoạch, dự tính giá thành sẽ không vượt quá 10%. Chi phí vận hành chỉ chiếm khoảng 70% so với công trình xây dựng thông thường, và nếu càng ở lâu thì mức chi phí càng giảm xuống.

Ở châu Âu, do trong ngành xây dựng và nhiều ngành khác luôn đề cao công tác tiết kiệm năng lượng, nên đã phần nào thay đổi được mức chi phí dành cho năng lượng. Một vị quan chức phụ trách về vấn đề năng lượng trong khối liên minh châu Âu đã nói, 30 năm về trước, mức chi phí dành cho năng lượng ở các quốc gia liên minh châu Âu, phần lớn dùng vào giao thông, công nghiệp và cấp nhiệt, nhưng đến nay, mức tiêu hao năng lượng dùng cho giao thông chỉ chiếm khoảng 3/4, năng lượng dùng cho công nghiệp và cấp nhiệt chỉ chiếm khoảng 1/4. Nhưng do thời gian gần đây, giá dầu tăng cao, nên cũng làm ảnh hưởng tới nền kinh tế châu Âu và cũng khiến mức độ tiết kiệm năng lượng bị hạn chế hơn.

Nguồn: <http://www.chinahouse.gov.cn>

ND: Bích Ngọc

Các biện pháp đảm bảo an toàn trong thi công bê tông

Hiểu biết về vấn đề an toàn

Tai nạn thương tích trong ngành Xây dựng đang có chiều hướng giảm. Điều này là do nhận thức của mọi người về vấn đề an toàn lao động và những rủi ro tiềm ẩn trên các công trường xây dựng ngày càng được nâng cao. Ngành công nghiệp bê tông là ngành có tỷ lệ tai nạn lao động thấp nhất nhưng không phải là làm việc trong ngành này có ít rủi ro. Việc hiểu biết rõ các rủi ro tiềm ẩn trong lĩnh vực thi công bê tông và có các biện pháp tập huấn thích hợp là hết sức cần thiết để hạn chế tai nạn thương tích trong lĩnh vực này.

Người ta thường nói rằng, mỗi người trên công trường đều là nhân viên an toàn - ai cũng có thể yêu cầu dừng vận hành hoặc dừng làm việc nếu như thấy rằng các điều kiện làm việc thiếu an toàn. Thực chất, vấn đề an toàn của một công trình xây dựng là trách nhiệm của tất cả mọi người có liên quan đến công trình đó. Chủ đầu tư có nhiệm vụ thực hiện chương trình đảm bảo an toàn và cung cấp thiết bị an toàn, người quản lý công trình có trách nhiệm hướng dẫn, tập huấn công tác an toàn lao động, bố trí các công việc theo chương trình an toàn và đảm bảo rằng tất cả các công nhân trên công trường đều nắm vững các quy định về an toàn lao động, đội trưởng phải tuân thủ các quy định về an toàn có quyền tạm dừng các công việc nếu thấy không an toàn, công nhân phải được tập huấn về an toàn và nhận thức được những hiểm họa, sử dụng đúng cách các thiết bị bảo hộ và báo cáo người phụ trách về các điều kiện làm việc thiếu an toàn.

Nhận thức được các hiểm họa về an toàn đối với sức khỏe con người là yếu tố quan trọng nhằm phòng ngừa tai nạn thương tích. Yếu tố quan trọng thứ hai là thực hiện các biện pháp phòng ngừa để ngăn ngừa hoặc giảm thiểu rủi ro.

Các hiểm họa đối với vấn đề an toàn và sức khỏe

Trên các công trường xây dựng tiềm ẩn rất nhiều hiểm họa, công trường thi công bê tông cũng không là ngoại lệ. Những hiểm họa đó có thể chia ra thành các loại như sau:

Hiểm họa từ vật liệu

Xi măng thường chiếm từ 7 – 15% khối tích của bê tông. Do xi măng là vật liệu kiềm nên xi măng ướt có thể gây bỏng hoá học đối với mắt và da. Vì vậy, khi làm việc với bê tông tươi cần hiểu rõ những hiểm họa đó. Điều đó lý giải tại sao việc đi ủng chống nước, mặc áo dài tay, quần dài, sử dụng phương tiện bảo vệ mặt thích hợp là rất quan trọng. Nếu bạn phải đứng trong đồng bê tông ướt thì hãy sử dụng ủng cao cổ để tránh tiếp xúc với bê tông. Cần rửa sạch ngay bê tông, vữa, xi măng, hoặc hỗn hợp xi măng bám trên bề mặt da. Rửa mắt bằng nước sạch ngay sau khi tiếp xúc với các loại vật liệu đó.

Ngoài tính chất ăn da của xi măng, các hạt xi măng thường rất nhỏ và có thể gây nguy hại cho con người do hít phải bụi xi măng. Vì thế, khi mở bao xi măng và tiếp xúc với xi măng cần sử dụng khẩu trang bảo hộ.

Thiết bị

Các thiết bị dùng trong thi công bê tông thường là nguyên nhân gây thương tích trên công trường. Các loại máy trộn, máy cắt, khoan bê tông có thể gây tai nạn thương tích do sử dụng điện không đúng cách. Ngoài ra, các loại máy này thường tạo ra độ ồn lớn kéo dài hoặc đột ngột trên 85 decibel có thể ảnh hưởng đến thính giác.

Các thiết bị khác như thiết bị thuỷ lực, máy nén khí, bơm bê tông, băng tải, thiết bị hàn, thiết bị phá dỡ cũng chứa đựng những hiểm họa mất an toàn trên công trường xây dựng.

Dụng cụ cầm tay

Ngoài các thiết bị máy móc được kể trên, thì các dụng cụ lao động cầm tay như bay, bàn xoa, dao xây, búa đinh, đục, các loại dao...đều có thể gây thương vong cho người lao động nếu không sử dụng cẩn thận và đúng cách.

Độ cao

Theo các số liệu thống kê về tai nạn thương tích và tử vong liên quan đến xây dựng thì nguyên nhân hàng đầu liên quan đến độ cao. Độ cao trong thi công bê tông không chỉ giới hạn ở giàn giáo, thang, cốp pha leo, xe thùng, thang nâng. Các chủ đầu tư, nhà thầu và người lao động cần nhận thức được vấn đề đó để tránh những tai nạn đáng tiếc trên các công trường xây dựng.

Thao tác xây dựng

Trên thực tế, công tác đổ bê tông là một trong những bước đầu tiên trong quá trình xây dựng. Tuy nhiên có một số công việc thi công bê tông chứa đựng những rủi ro. Việc sử dụng cần cẩu để nâng hạ và đổ bê tông, dựng panel bê tông hoặc nâng các cấu kiện bê tông đúc sẵn có thể gây nguy hiểm đối với người thợ hoàn thiện và lắp đặt. Hoạt động bơm bê tông, dùng máy thủy lực phá bê tông hoặc phun bê tông tạo ra áp suất cao ở các họng phun cũng có thể gây nguy hiểm. Việc thi công gia cường sử dụng các vật liệu nặng, thép, bình hàn hay thiết bị hàn, thi công ở độ cao ... đều chứa nguy hiểm và có thể gây tai nạn bất ngờ. Hoạt động kéo sau tạo ra ứng suất gần bằng cường độ giới hạn - 250.000 psi có thể gây nguy hiểm cho người điều khiển máy móc hoặc người giám sát. Các nhà máy bê tông đúc sẵn với các cốt pha thép, thiết bị đầm, phòng dưỡng hộ cũng cần tuân thủ các quy định về an toàn.

Điều kiện công trường

Điều kiện công trường cũng có thể gây nguy hiểm. Mặt bằng chật hẹp của địa điểm xây dựng cũng có thể ảnh hưởng đến các hoạt động xây dựng và công tác an toàn. Vị trí xây dựng

sát với đường giao thông, đường điện, máy đào hoặc các vật liệu nguy hại có thể tạo ra các điều kiện mất an toàn. Thậm chí thời tiết (tuyết, băng, mưa, trời nắng nóng...) cũng có thể là nguyên nhân trực tiếp của các tai nạn, hoặc gián tiếp gây tai nạn cho công nhân trên các công trường.

Các biện pháp phòng ngừa

Nếu như các mối nguy hiểm tiềm ẩn được xem xét kết hợp với các biện pháp phòng ngừa thì sẽ giúp giảm được đáng kể tai nạn thương tích trong lao động.

Bảo vệ cá nhân

Đội mũ bảo hộ lao động và đeo dụng cụ bảo vệ thính giác luôn là điều cần thiết đối với mỗi công nhân khi những nguy hiểm trên không và tiếng ồn lớn nơi công trường xây dựng luôn tồn tại và hiện hữu.

Thiết bị bảo vệ

Tất cả các thiết bị cần được bảo dưỡng thích hợp và được trang bị kèm theo thiết bị an toàn theo khuyến cáo của nhà sản xuất. Không sử dụng hoặc loại bỏ những thiết bị bảo hộ không đảm bảo chất lượng.

Tất cả công nhân cần phải được giám đốc dự án hoặc người quản lý đào tạo và sát hạch trước khi vận hành thiết bị. Sự hiểu biết về sự nguy hiểm liên quan đến thiết bị là yếu tố đầu tiên để phòng ngừa tai nạn thương tích.

Công tác bảo hộ trên công trường

Mặc dù tất cả mọi người đều nhận thức được vai trò của công tác an toàn, nhưng trách nhiệm của người quản lý là phải tạo ra môi trường làm việc an toàn cho công nhân. Do đó, người quản lý phải đảm bảo nhận thức được tất cả những mối nguy hiểm tiềm ẩn trên công trường và có biện pháp phòng ngừa, hoặc tối thiểu là phải thông báo cho các công nhân biết về những mối nguy hiểm đó.

Nguồn: www.cement.org/tech

ND: Quỳnh Anh

Tin xây dựng quốc tế qua mạng Internet

Doanh nghiệp Trung Quốc xây dựng dự án thủy điện lớn nhất ở Ecuador

Theo hãng tin Tân Hoa xã, ngày 5/10 vừa qua, Tổng thống Ecuador Rafael Correa đã ký với người đại diện của Tổng Công ty thủy điện Trung Quốc (China's Sinohydro) bản hợp đồng xây dựng một nhà máy thủy điện trị giá 2 tỷ USD ở nước này.

Nhà máy thủy điện Coca-Codo-Sinclair sẽ được xây dựng bên sông Amazon trên lãnh thổ Ecuador, cách thủ đô Quito 75km. Theo thiết kế, nhà máy này sẽ có tổng công suất 1.500MW và cung cấp sản lượng điện hàng năm khoảng 8,8 tỷ kW. Đây sẽ là nhà máy thủy điện lớn nhất ở Ecuador, có khả năng đáp ứng 75% nhu cầu điện năng của nước này.

Dự án sẽ xây dựng một con đập trên sông Coca, một khu nhà máy và một đường hầm dài 24km.

Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc sẽ cung cấp 85% tổng vốn đầu tư cho dự án, 15% còn lại sẽ do Chính phủ Ecuador đảm nhiệm.

Tổng thống Correa cho biết, việc thực hiện dự án này sẽ là một sự kiện lịch sử vì đây là dự án đầu tư nước ngoài lớn nhất ở Ecuador từ trước tới nay.

Dự án này sẽ tạo ra khoảng 4.000 việc làm trực tiếp và 15.000 việc làm gián tiếp ở Ecuador.

<http://news.xinhuanet.com/english/>

Bang California chuẩn bị xây dựng tuyến đường sắt cao tốc đầu tiên ở Mỹ

Theo hãng tin Tân Hoa xã ngày 2/10 - Thống đốc California Arnold Schwarzenegger đã công bố kế hoạch xây dựng một tuyến đường sắt cao tốc đầu tiên ở Mỹ - dự án kích thích kinh tế trị giá 10 tỷ USD ở bang này.

Trong một cuộc họp báo, Thống đốc Schwarzenegger đã phát biểu: "Ở nhiều nước châu Âu và châu Á, người ta di chuyển với vận

tốc 480km/h (tàu cao tốc), trong khi chúng ta hiện nay vẫn sử dụng những đoàn tàu có vận tốc của 100 năm trước. Điều đó là không thể chấp nhận được, nước Mỹ cần đuổi kịp các nước khác về cơ sở hạ tầng"

Theo ông Schwarzenegger, để xây dựng 1280km đường sắt cao tốc từ San Diego đến San Francisco, bang California cần xin hỗ trợ thêm 4,7 tỷ USD từ Quỹ Kích thích kinh tế Liên bang.

Nếu như tuyến đường sắt cao tốc nói trên trở thành hiện thực, việc đi lại giữa Los Angeles và San Francisco chỉ mất 2h40 phút, tạo ra hàng trăm ngàn việc làm cũng như tạo ra thu nhập hàng tỷ USD.

Schwarzenegger cho rằng California xứng đáng có được quá nửa của gói kích cầu 8 tỉ USD của liên bang dành cho phát triển đường sắt cao tốc bởi vì bang này đã tiến xa trong quy hoạch so với các bang khác, và đã sẵn sàng khởi công dự án vào năm 2011, một năm trước thời hạn chốt để nhận hỗ trợ của Liên bang.

<http://news.xinhuanet.com/english>

Sử dụng thí nghiệm nén 3 trục đối với các mẫu vữa để đánh giá áp lực tác động lên ván khuôn của bê tông tự đầm

Tác giả: Josheph J. Assaad, Jacques Harb và Kamai Khayat

Tạp chí Vật liệu, số 5/2009 - Viện Bê tông Mỹ (ACI)

Tóm tắt:

Trong bài giới thiệu một dự án nghiên cứu quy mô lớn nhằm đánh giá sự phù hợp của thí nghiệm nén 3 trục đối với việc xác định áp lực tác động lên ván khuôn của bê tông tự đầm (SCC) trong các điều kiện thoát hết nước và chưa thoát hết nước. Hệ số cố kết (C) và góc nội ma sát (f) đã được xác định đối với 10 hỗn hợp vữa -tương đương bê tông (CEM) có các cấp phối và tỷ lệ nước/xi măng khác nhau

(w/cm). Các kết quả thí nghiệm cho thấy, sự cố kết của các hỗn hợp CEM bị ảnh hưởng đáng kể bởi trạng thái thoát hết nước và chưa thoát hết nước. Các hỗn hợp chứa xi măng ba thành phần và /hoặc có tỷ lệ nước/xi măng thấp có độ cố kết cao hơn và giá trị góc nội ma sát thấp hơn so với loại hỗn hợp có xi măng 3 thành phần hoặc xi măng loại I, và những hỗn hợp có tỷ lệ nước/xi măng cao. Áp lực hông của bê tông tự đầm phát triển ngay sau khi đổ có thể dự đoán được nhờ các giá trị cố kết (C) hoặc chất xúc biến. Tuy nhiên, để đánh giá áp suất ở thời điểm nào đó, phương pháp thí nghiệm nén ba trục không thích hợp do thiếu thành phần cốt liệu thô, được dự đoán sẽ làm tăng nội ma sát giữa các hạt cứng.

<http://www.concrete.org>

Các đặc tính cơ học trong ngắn hạn của bê tông cường độ cao

Tác giả: Andrew Logan, Wonchang Choi, Amir Mirmirran, Sami Rizkalla và Paul Zia

Tạp chí Vật liệu, số 5/2009 - Viện Bê tông Mỹ (ACI)

Tóm tắt:

Trong bài giới thiệu một chương trình nghiên cứu thực nghiệm nhằm xác định các đặc tính cơ học trong ngắn hạn của bê tông cường độ cao (HSC). Các mẫu đầm gầy và 2 mẫu trụ bê tông kích thước khác nhau nhằm mục tiêu có cường độ chịu nén khác nhau từ 69-124MPa được áp dụng các phương pháp dưỡng hộ khác nhau, thời gian dưỡng hộ cũng khác nhau. Các kết quả thí nghiệm được kết hợp với các tài liệu đã công bố để xây dựng các phương trình dự báo mô đun đàn hồi và mô đun gầy của bê tông cường độ cao. Trong số 3 biện pháp dưỡng hộ, mẫu trụ được dưỡng hộ ẩm 7 ngày có cường độ chịu nén cao nhất ở các tuổi 28 và 56 ngày. Ngược lại, mẫu dưỡng hộ nhiệt 1 ngày có cường độ chịu nén thấp nhất. Công trình nghiên cứu này chỉ ra hệ số Poisson bằng 0,2 có thể sử dụng thích hợp cho bê tông HSC.

<http://www.concrete.org>

Biên tập tin: Quỳnh Anh - Minh Tuấn

Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng phát lệnh khởi công xây dựng công trình Nhà Quốc hội

Sáng ngày 12/10/2009, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng và Văn phòng Quốc hội đã tổ chức Lễ khởi công xây dựng công trình Nhà Quốc hội. Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng - Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ đã phát biểu chỉ đạo và phát lệnh khởi công xây dựng công trình Nhà Quốc hội.

Tham dự Lễ khởi công có đồng chí Trương Vĩnh Trọng - Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải, các đồng chí Phó Chủ tịch Quốc hội Uông Chu Lưu, Nguyễn Đức Kiên, Bộ trưởng, chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân, Bộ trưởng Bộ Tài chính Vũ Văn Ninh và các đồng chí là lãnh đạo các Bộ, ngành Trung ương, lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Đại sứ CHLB Đức tại Việt Nam.

Tham dự Lễ khởi công còn có đại diện lãnh đạo các nhà thầu tư vấn, nhà thầu thi công xây dựng, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Nhà Quốc hội.

Thực hiện Nghị quyết số 77/2007/QH11 của Quốc hội khoá XI và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Ban Chỉ đạo xây dựng Nhà Quốc hội, tháng 8/2007, Bộ Xây dựng đã chỉ đạo Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Nhà Quốc hội tổ chức cuộc thi tuyển thiết kế kiến trúc Nhà Quốc hội và đã chọn được 1 phương án đạt giải A, 4 phương án đạt giải khuyến khích. Phương án đạt giải A được Hội đồng tuyển chọn cuộc thi thiết kế kiến trúc Nhà Quốc hội đánh giá là phương án tốt nhất trong số các phương án dự thi, được các nhà khoa học và nhân dân đánh giá cao nhất thông qua các cuộc triển lãm lấy ý kiến đóng góp tổ chức tại Hà Nội, Đà Nẵng và Tp. Hồ Chí Minh. Tiếp thu các ý kiến đóng góp của các nhà khoa học và nhân dân, tác giả của phương án kiến trúc đạt giải A đã cố gắng từng bước hoàn thiện hơn



Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng phát lệnh khởi công xây dựng Nhà Quốc hội

phương án kiến trúc Nhà Quốc hội.

Ngày 16/5/2008, Thủ tướng Chính phủ đã chấp thuận phương án kiến trúc Nhà Quốc hội, đồng ý chỉ định tác giả của phương án đạt giải A là Liên danh gmp international GmbH - Inros Lackner AG (CHLB Đức) lập dự án đầu tư xây dựng và thiết kế công trình, đồng thời tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện thiết kế kiến trúc để bảo đảm tính hiện đại, trang trọng, mang tính dân tộc và đáp ứng cao nhất yêu cầu của một công trình phục vụ Quốc hội.

Trên cơ sở nhiệm vụ thiết kế được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, được sự chấp thuận của Ban Chỉ đạo xây dựng Nhà Quốc hội và Bộ Xây dựng, ngày 26/02/2009, Ban Quản lý dự án và liên danh Tư vấn đã tiến hành ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng công trình. Trong quá trình lập dự án, theo đề nghị của Bộ Xây dựng, Hội Kiến trúc sư Việt Nam và Hội Quy hoạch đô thị Việt Nam đã cử các chuyên gia có kinh nghiệm, góp ý cho tư vấn thiết kế, tư vấn cho Bộ Xây dựng về các vấn đề có liên quan.

Đầu tháng 7/2009, Dự án đầu tư xây dựng Nhà Quốc hội đã được trình thẩm định, phê duyệt theo đúng tiến độ đề ra. Trong quá trình thẩm định và theo đúng quy định, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Xây



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân phát biểu tại buổi Lễ

dựng, Văn phòng Quốc hội, Bộ Tài chính, Bộ Công thương, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xem xét kỹ dự án và thiết kế cơ sở. Trên cơ sở đó, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1591/QĐ-TTg ngày 09/10/2009 phê duyệt dự án và đồng ý cho Bộ Xây dựng tổ chức lễ khởi công công trình vào ngày 12/10/2009 tại Văn bản số 1878/TTg-KTN.

Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà Quốc hội là một dự án quan trọng do Bộ Xây dựng làm chủ đầu tư và Văn phòng Quốc hội là đơn vị quản lý, sử dụng. Công trình này sẽ là nơi tổ chức các kỳ họp Quốc hội, nơi tổ chức lễ kỷ niệm những ngày trọng đại quốc gia, nơi tiếp khách quốc tế cấp cao của Đảng và Nhà nước, đồng thời là trụ sở làm việc của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Quốc hội, Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm và thường trực 9 Ủy ban của Quốc hội... Trong công trình này còn có Thư viện Quốc hội, Phòng truyền thống trung bày, lưu giữ hiện vật của Quốc hội và Hội trường Ba Đình; phòng họp báo và trung tâm báo chí, phòng tiệc chiêu đãi của lãnh đạo Đảng và Nhà nước, khu vực phục vụ tham quan và hưởng thụ văn hoá của nhân dân và khách quốc tế.

Công trình được thiết kế giải pháp kiến trúc hình vuông, có phòng họp hình tròn ở giữa, gồm

2 tầng hầm, 5 tầng nổi, kích thước mặt bằng 102 x 102m, chiều cao công trình khoảng 39m. Bãi đỗ xe ngầm của công trình có sức chứa 500 xe, quy mô 3 tầng hầm với diện tích sàn khoảng trên 17.000m². Ngoài ra, dự án còn bao gồm các hạng mục khác như bãi đỗ xe cho các đồng chí lãnh đạo cao cấp, đường hầm liên hệ giữa Nhà Quốc hội và trụ sở Bộ Ngoại giao chiều dài khoảng 60 m có 2 phần đường dành cho người đi bộ và dành cho xe ô tô; cải tạo đường Bắc Sơn thành Quảng trường, đảm bảo tổ chức đón tiếp các nguyên thủ quốc gia theo nghi lễ nhà nước khi tổ chức ngoài trời; cải tạo đường Hoàng Văn Thụ, đường Độc lập theo Quy hoạch chi tiết Khu Trung tâm chính trị Ba Đình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt là 4.797 tỷ đồng, bao gồm các hạng mục thiết kế, xây dựng và chi phí cho công tác khảo cổ, giải phóng mặt bằng, chi phí dự phòng.

Phát biểu tại Lễ khởi công, Thủ tướng Chính phủ đã đánh giá cao những cố gắng của Văn phòng Quốc hội, Bộ Xây dựng và các Bộ ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp của thành phố Hà Nội, các nhà thầu tư vấn trong nước và quốc tế, những đóng góp quý báu của các nhà khoa học, nỗ lực của Ban Quản lý dự án và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc hoàn thành tất cả các điều kiện cần thiết để tiến hành khởi công xây dựng công trình Nhà Quốc hội. Thủ tướng chỉ đạo Bộ Xây dựng, ban Quản lý dự án, các cơ quan, đơn vị liên quan và các nhà thầu nghiêm túc tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, các pháp luật có liên quan, đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình, tuân thủ các điều khoản của hợp đồng, tiến hành nghiệm thu khối lượng hạng mục và làm tốt công tác thanh toán, quyết toán và kiểm toán công trình khi hoàn thành.

Công trình Nhà Quốc hội theo dự kiến sẽ được hoàn thành trong quý III/2012.

Minh Tuấn

Bộ Xây dựng triển khai xây dựng Chương trình ứng phó biến đổi khí hậu và Kế hoạch hành động của ngành Xây dựng

Ngày 9/10/2009, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn đã chủ trì cuộc họp với các Cục, Vụ chức năng và các đơn vị liên quan của Bộ Xây dựng về việc xây dựng Chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu và Kế hoạch hành động của ngành Xây dựng.

Tại Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg ngày 2/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, Bộ Xây dựng được giao chủ trì, phối hợp với các Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ ngành và địa phương xây dựng và triển khai kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng đối với các lĩnh vực do Bộ Xây dựng quản lý giai đoạn 2009 -2015 với các nội dung: Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng đến các lĩnh vực do Bộ quản lý; Xác định các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng đối với các lĩnh vực do Bộ quản lý; Tích hợp các vấn đề biến đổi khí hậu vào các chiến lược, chương trình, kế hoạch, và quy hoạch của Bộ; Triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan khác: các phương án điều chỉnh quy hoạch hạ tầng kỹ thuật, các khu dân cư đô thị theo các kịch bản biến đổi khí hậu; nghiên cứu đề xuất các nội dung cần bổ sung trong các tiêu chuẩn, quy chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật xây dựng để ứng phó với biến đổi khí hậu; thực hiện các dự án thí điểm.

Để triển khai xây dựng Chương trình và kế hoạch hành động của ngành Xây dựng về ứng phó với biến đổi khí hậu, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn đã giao Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường làm đầu mối đề xuất thành lập Ban soạn thảo chương trình này trình Bộ ký thành lập, phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính lập dự toán kinh phí, phối hợp với các Cục, Vụ chức



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn chủ trì cuộc họp

năng và Viện Kiến trúc Quy hoạch đô thị nông thôn lập danh mục các công việc cụ thể và tiến độ thực hiện trình lãnh đạo Bộ phê duyệt. Các nội dung công việc đề xuất quanh 7 nhóm vấn đề, gồm:

- Lập chiến lược phát triển không gian, quy hoạch - xây dựng ứng phó sự biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho các vùng miền giai đoạn 2010 -2015.
- Đánh giá ảnh hưởng của bão lũ đến việc xây dựng công trình nhà;
- Đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu về tự nhiên và nhân tạo đối với việc xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng;
- Đánh giá tác động của động đất và sóng thần đối với việc xây dựng;
- Điều chỉnh quy hoạch tổng thể về hạ tầng các điểm dân cư dự báo có nguy cơ bị ảnh hưởng;
- Hướng dẫn kỹ thuật xây dựng ứng phó biến đổi khí hậu;
- Lập chương trình thực hiện các dự án thí điểm và trình diễn.

Minh Tuấn

Thị trấn Sao Đỏ được công nhận là đô thị loại IV

Thị trấn Sao Đỏ là đô thị huyện lỵ của huyện Chí Linh tỉnh Hải Dương. Kể từ khi được thành lập đến nay, thị trấn luôn là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá và khoa học của huyện và các khu vực lân cận. Đặc biệt do nằm ở trung điểm của tuyến đường 18, đường 37 gần các điểm kinh tế quan trọng là Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh, thị trấn hiện là điểm dịch vụ du lịch tạo điều kiện cho các tour du lịch, các trọng điểm du lịch hoạt động hiệu quả, một mắt xích quan trọng trong ngành du lịch quốc gia.

Trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hải Dương và huyện Chí Linh, thị trấn có một vị thế quan trọng. Đây là một trong bốn tiểu vùng kinh tế của tỉnh, là tiểu vùng dọc hành lang đường 18, là dải công nghiệp năng lượng, vùng có nhiều lợi thế do vị trí kinh tế đặc trưng, có tuyến đường xuyên Á đi qua, có các công trình quốc tế về thể thao, du lịch và hội tụ nhiều điều kiện tổng hợp để trở thành mắt xích quan trọng trong ngành du lịch quốc gia.

Quy hoạch vùng thủ đô Hà Nội đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 đã xác định Chí Linh - Sao Đỏ là lựa chọn để đầu tư xây dựng trung tâm du lịch có cấp độ quốc tế và quốc gia và là vùng du lịch văn hoá, lễ hội kết hợp thắng cảnh.

Sau hơn 30 năm hình thành và phát triển, nhất là 10 năm trở lại đây, thị trấn Sao Đỏ đạt được những thành tựu vượt bậc trong tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2006 đạt 12,35%, năm 2007 - 12,61% và năm 2008 đạt 21,16%. Riêng năm 2008 tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn đạt 376,88 tỷ đồng. Tỷ trọng kinh tế năm 2008: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp là 31,6%; thương mại, dịch vụ - 52% và nông nghiệp, thủy sản - 16,4%. Tổng thu ngân sách trên địa bàn năm 2008 đạt 20,3089 tỷ đồng, trong đó phân cấp thị trấn thu



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang chủ trì Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị trấn Sao Đỏ là đô thị loại IV

3,614 tỷ đồng. Thu nhập bình quân năm 2008 đạt 980 USD/người/năm. Cân đối thu chi ngân sách là cân đối dư. Tỷ lệ hộ nghèo là 5,73%. Mức tăng dân số hàng năm (2005 - 2008) là 4%. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 83,4%.

Ngành công nghiệp - xây dựng đang phát triển do phần lớn các dự án đầu tư mới bước vào sản xuất kinh doanh. Các cơ sở công nghiệp, xây dựng đã góp phần xây dựng khu đô thị mới, cải tạo hệ thống hạ tầng đô thị, xây dựng các công trình công cộng làm thay đổi bộ mặt thị trấn đồng thời thu hút lực lượng lao động trên 1.000 người.

Thương mại dịch vụ là ngành phát triển mạnh, chiếm tỷ lệ lớn (52% trong cơ cấu GDP của khu vực). Thị trấn có hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại và các cửa hàng tư nhân kinh doanh hầu hết nằm trên các khu phố chính với 1.233 nhà hàng, cửa hàng dịch vụ. Hệ thống khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng dịch vụ phục vụ du lịch phát triển. Các ngành dịch vụ công cộng, dịch vụ kỹ thuật phát triển; hệ thống tài chính, ngân hàng phát triển nhanh.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, thị trấn đã thực hiện chủ trương chuyển đổi cơ cấu kinh tế chuyển đổi hợp tác xã nông nghiệp

thành hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp, chuyển giao công nghệ sinh học, giống, vật tư không ngừng đưa năng suất cây trồng tăng, các vườn cây cải tạo trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao, chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá.

Trong những năm qua cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, thị trấn đã quan tâm xây dựng và phát triển hạ tầng đô thị bao gồm các khu đô thị mới, nhà ở, công trình công cộng, giao thông, hệ thống cấp thoát nước, vệ sinh môi trường và thông tin liên lạc. Trong 10 năm trở lại đây thị trấn đã xây dựng nhiều khu dân cư, 5 khu đô thị mới với tổng diện tích gần 200 ha. Mật độ nhà kiên cố đạt 84,59%. Hệ thống các công trình công cộng khá hoàn chỉnh, trong đó hầu hết các công trình hành chính, văn hoá, giáo dục, y tế của huyện đều tập trung tại đây. Hệ thống giao thông bao gồm đường sắt và đường bộ. Thị trấn là đầu mối giao thông vùng

tỉnh, liên vùng, vùng huyện với quốc lộ 18, 37 và đường 398B. Nội thị có 33 tuyến đường với tổng chiều dài 28,38 km trong đó 21 tuyến đã được trải nhựa.

Thị trấn đang từng bước xây dựng phát triển đô thị theo quy chế quản lý kiến trúc đô thị. Công viên cây xanh Hồ Mật Sơn và các khu đô thị mới được xây dựng đồng bộ về hạ tầng đô thị và cảnh quan. Các khu dân cư cũ xây dựng theo quy chế quản lý kiến trúc của thị trấn, nhằm bảo đảm các yêu cầu về kiến trúc cảnh quan đô thị.

Với thành quả 30 năm xây dựng và phát triển đô thị, đến nay thị trấn đã hội đủ các điều kiện để được công nhận là đô thị loại IV.

Ngày 24/9/2009 Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 241/QĐ-BXD công nhận thị trấn Sao Đỏ là đô thị loại IV.

Huỳnh Phước

Hội thảo góp ý dự thảo Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật Quy hoạch đô thị

Ngày 29/9/2009 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội thảo Góp ý dự thảo nghị định hướng dẫn thực hiện Luật QHĐT (QHĐT). Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn chủ trì Hội thảo.

Đến dự Hội thảo có đại diện các Bộ ngành ở trung ương, UBND và Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố từ Thừa Thiên - Huế trở ra, các hiệp hội và hội chuyên ngành xây dựng, các viện nghiên cứu.

Hội thảo được tổ chức nhằm lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan góp ý cho dự thảo Nghị định về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý QHĐT và dự thảo Nghị định về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị.

Tại Hội thảo, đại diện Vụ Kiến trúc - Quy hoạch Bộ Xây dựng đã giới thiệu các cơ sở pháp lý và thực tiễn của sự cần thiết phải ban hành các nghị định cũng như nội dung của dự

thảo 2 nghị định được đưa ra lấy ý kiến đóng góp lần này.

Dự thảo Nghị định lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý QHĐT gồm 6 chương, 52 điều. Phạm vi điều chỉnh của Nghị định là hướng dẫn thi hành Luật Quy hoạch đô thị bao gồm các nội dung về lập, thẩm định, phê duyệt QHĐT; quản lý xây dựng theo quy hoạch; điều kiện, năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia lập QHĐT, ngoài ra còn quy định những nội dung liên quan đến việc lập và thực hiện đồ án QHĐT như bản đồ địa hình, thời gian lập nhiệm vụ và đồ án QHĐT; quản lý nguồn kinh phí.

Theo Dự thảo Nghị định, tổ chức tư vấn, cá nhân tham gia lập QHĐT phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định của Nghị định này hoặc quy định pháp luật hiện hành. Cá nhân để được hành nghề QHĐT cần phải có chứng chỉ hành nghề QHĐT. Tổ chức muốn tham gia hoạt động

tư vấn lập QHĐT phải có giấy chứng nhận điều kiện năng lực, trừ các tổ chức tư vấn được Chính phủ, Bộ Xây dựng, UBND cấp tỉnh quyết định thành lập.

Cơ quan tổ chức lập QHĐT có trách nhiệm lựa chọn tổ chức tư vấn lập QHĐT thông qua hình thức chỉ định thầu, tuy nhiên đối với quy hoạch chung các đô thị có quy mô lớn, có ý nghĩa đặc thù; quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu vực có ý nghĩa quan trọng trong đô thị, khuyến khích lựa chọn tư vấn thông qua hình thức thi tuyển.

Thành phố trực thuộc trung ương, tỉnh, thị xã, thị trấn phải được lập quy hoạch chung; các khu vực trong thành phố, thị xã phải được lập quy hoạch phân khu để cụ thể hoá quy hoạch chung và các khu vực trong thành phố, thị xã, thị trấn, khi thực hiện đầu tư xây dựng phải lập quy hoạch chi tiết để cụ thể hoá quy hoạch chung và quy hoạch phân khu. Công tác quản lý xây dựng đô thị theo quy hoạch được chia ra quản lý phát triển đô thị mới và quản lý cải tạo đô thị.

Dự thảo Nghị định quản lý không gian, kiến trúc và cảnh quan đô thị (KG-KT-CQĐT) gồm 6 chương, 37 điều, quy định công tác quản lý KG-KT-CQĐT; quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan.

Đối tượng áp dụng của Nghị định là các tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến quản lý KG-KT-CQĐT trên lãnh thổ Việt Nam.

Dự thảo Nghị định đưa ra các nguyên tắc và yêu cầu quản lý KG-KT-CQĐT, quy định về quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị. trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân đối với KG-KT-CQĐT.

Hội thảo đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp cho dự thảo các Nghị định từ các đại biểu tham dự theo hình thức góp ý trực tiếp và bằng văn bản. Bộ Xây dựng sẽ tiếp tục tổ chức các hội thảo tương tự ở khu vực phía Nam, tiếp thu các ý kiến đóng góp để hoàn chỉnh dự thảo các Nghị định trước khi trình Chính phủ ban hành.

Huỳnh Phước

Kế hoạch của Chính phủ Trung Quốc về đảm bảo nhà ở cho thuê giá rẻ trong giai đoạn 2009 - 2011

Những năm gần đây, các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương các cấp của Trung Quốc luôn dành sự quan tâm đặc biệt tới công tác giải quyết vấn đề nhà ở cho những gia đình thu nhập thấp ở đô thị, và xem đây là vấn đề quan trọng để cải thiện đời sống của người dân. Để thực hiện tốt công việc trên, các cấp chính quyền đã không ngừng hoàn thiện hệ thống thể chế chính sách, tăng cường đầu tư, thiết lập chế độ đảm bảo nhà ở đặc biệt là nhà ở cho thuê giá rẻ ở các đô thị trên toàn quốc. Những cố gắng, nỗ lực của chính quyền đã mang lại thành quả tích cực trong công tác giải quyết nhà ở cho những gia đình thu nhập thấp. Tuy nhiên, thành công mới chỉ là bước đầu, tính đến cuối năm 2008, Trung Quốc vẫn còn

khoảng 7,47 triệu hộ ở đô thị có thu nhập thấp, đây là vấn đề cần được giải quyết nhanh chóng để đảm bảo sự phát triển ổn định xã hội.

I. Nguyên tắc cơ bản và tư tưởng chỉ đạo

1. Tư tưởng chỉ đạo

Theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 17 Đảng Cộng sản Trung Quốc, đường lối chỉ đạo của lý luận Đặng Tiểu Bình và tư tưởng “Ba đại diện”, cần quán triệt sâu sắc việc thực hiện quan điểm phát triển khoa học, đảm bảo tăng trưởng, an sinh xã hội, đẩy mạnh xây dựng nhà ở cho thuê giá rẻ, tăng nguồn cung ứng nhà ở, hoàn thiện chế độ trợ cấp thuê nhà, nhanh chóng thiết lập và kiện toàn hệ thống đảm bảo nhà ở, trọng điểm là chế độ nhà ở cho thuê giá rẻ, thúc đẩy xã hội

phát triển hài hoà. Qua nhiều năm phấn đấu, điều kiện cư trú của các hộ gia đình thu nhập thấp ở khu vực đô thị đã được cải thiện rõ rệt.

2. Nguyên tắc cơ bản

2.1. Quy hoạch tổng thể, thực hiện theo kế hoạch của từng năm.

Cần xem xét toàn diện các yếu tố như: trình độ phát triển kinh tế xã hội, số lượng hộ gia đình thu nhập thấp ở đô thị có khó khăn về nhà ở mức độ khó khăn, khả năng chi trả... Từ đó xác định mục tiêu, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện có kế hoạch công tác đảm bảo nhà ở.

2.2. Thực hiện công việc theo đúng năng lực của mình.

Trung Quốc là một nước đang phát triển có dân số lớn nhất thế giới. Trong quá trình đô thị hoá phát triển nhanh chóng hiện nay, nhu cầu nhà ở của người dân rất lớn. Để đảm bảo về nhà ở, chính quyền các cấp cần căn cứ vào điều kiện thực tế và nhu cầu nhà ở của những gia đình thu nhập thấp có khó khăn về nhà ở, kiên trì nguyên tắc đảm bảo nhu cầu cơ bản về nhà ở.

2.3. Chính quyền tỉnh quản lý toàn diện, chính quyền cấp thành phố và cấp huyện tổ chức thực hiện.

Chính quyền cấp tỉnh thiết lập chế độ kiểm tra, đánh giá thành tích đảm bảo nhà ở, quản lý theo chế độ mục tiêu, trách nhiệm. Chính quyền cấp tỉnh chịu trách nhiệm toàn diện về việc đảm bảo nhà ở cho thuê giá rẻ trên địa bàn hành chính của mình; Chính quyền thành phố, cấp huyện trực tiếp huy động nguồn nhà ở cho thuê giá rẻ, tiến hành phân phối nhà ở cho thuê và hỗ trợ cho thuê nhà.

2.4. Các địa phương tăng cường đầu tư, Trung ương tăng cường hỗ trợ.

Chính quyền thành phố, cấp huyện cần xây dựng dự toán ngân sách, huy động các nguồn vốn để đảm bảo nhà ở cho thuê giá rẻ từ nhiều kênh khác nhau. Chính quyền cấp tỉnh cần thiết lập chế độ nguồn vốn hỗ trợ nhà ở cho thuê giá rẻ. Ngân sách Trung ương tăng cường hỗ trợ vốn cho những khu vực khó khăn về tài chính.

II. Mục tiêu tổng thể và nhiệm vụ công tác từng năm

1. Mục tiêu tổng thể

Trong 3 năm, từ 2009 đến 2011, Trung Quốc phấn đấu giải quyết nhà ở cho 7,47 triệu hộ gia đình thu nhập thấp có khó khăn về nhà ở tại khu vực đô thị. Quý IV/2008 Trung Quốc đã khởi công xây dựng 380 nghìn căn hộ, trong 3 năm sẽ hoàn thành 5,18 triệu căn nhà ở cho thuê giá rẻ, hỗ trợ tiền thuê nhà cho 1,91 triệu hộ. Chính quyền các cấp cần tiếp tục kiện toàn chế độ nhà ở cho thuê giá rẻ, kết hợp phân phối cho thuê và hỗ trợ tài chính, đồng thời nhanh chóng thiết lập hệ thống đảm bảo nhà ở giá rẻ đô thị, hoàn thiện các chính sách về đất đai, thuế và hỗ trợ vay vốn

2. Nhiệm vụ công tác từng năm

2.1. Năm 2009, giải quyết vấn đề nhà ở cho 2,6 triệu hộ gia đình thu nhập thấp ở đô thị có khó khăn về nhà ở. Trong đó, huy động thêm 1,77 triệu căn hộ dành cho những hộ có đủ điều kiện được thuê nhà ở giá rẻ, hỗ trợ tiền thuê nhà cho 830 nghìn hộ.

2.2. Năm 2010, giải quyết vấn đề nhà ở cho 2,45 triệu hộ gia đình có thu nhập thấp ở đô thị có khó khăn về nhà ở. Trong đó, huy động 1,8 triệu căn hộ dành cho những hộ đủ điều kiện được thuê nhà ở giá rẻ, hỗ trợ tiền thuê nhà cho 650 nghìn hộ.

2.3. Năm 2011, giải quyết vấn đề nhà ở cho 2,04 triệu hộ gia đình thu nhập thấp ở đô thị có khó khăn về nhà ở. Trong đó, huy động 1,61 triệu căn hộ dành cho những gia đình có đủ điều kiện được thuê nhà ở giá rẻ, hỗ trợ tiền thuê nhà cho 430 nghìn hộ.

III. Phương thức đảm bảo và tiêu chuẩn đảm bảo nhà ở

1. Phương thức đảm bảo

Thông qua các phương thức xây dựng mới, mua lại và cải tạo... để huy động nguồn nhà ở, đồng thời, duy trì chế độ hỗ trợ tiền thuê nhà, thông qua nhiều kênh, nhiều phương thức để giải quyết vấn đề nhà ở cho những gia đình có thu nhập thấp.

2. Tiêu chuẩn đảm bảo

Những đối tượng được hưởng chế độ đảm bảo về nhà ở cho thuê giá rẻ là những hộ gia đình có thu nhập thấp ở đô thị có khó khăn về nhà ở, điều kiện cụ thể do chính quyền cấp thành phố, cấp huyện quyết định. Tiêu chuẩn diện tích xây dựng nhà ở cho thuê giá rẻ được quy định trong khoảng 13 m²/người, diện tích mỗi căn hộ tối đa 50m², đảm bảo đủ công năng cơ bản phục vụ sinh hoạt. Mức hỗ trợ tiền thuê nhà được xác định dựa trên mức giá thuê nhà ở bình quân trên thị trường của khu vực và năng lực chi trả của các hộ thuộc diện được hỗ trợ.

IV. Biện pháp thực hiện

1. Huy động các nguồn vốn

1.1. Chính phủ cần tăng cường hỗ trợ các địa phương có khó khăn về tài chính để thực hiện chế độ đảm bảo nhà ở cho thuê giá rẻ. Năm 2009, tiêu chuẩn hỗ trợ xây dựng nhà ở cho thuê giá rẻ của Chính phủ đối với các địa phương như sau: Khu vực miền Tây: 400 NDT/m²; Khu vực miền Trung là 300 NDT/m²; Những khu vực khác có khó khăn về tài chính như: Liêu Ninh, Sơn Đông, Phúc Kiến là 200 NDT/m².

1.2. Chính quyền các tỉnh cần đổi cách làm của Chính phủ, tăng cường đầu tư cho các thành phố, các huyện có khó khăn về tài chính để xây dựng (bao gồm mua lại, cải tạo) nhà ở cho thuê giá rẻ và hỗ trợ tiền thuê nhà cho những hộ nghèo. Các địa phương cần căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương để sử dụng hợp lý nguồn vốn hỗ trợ của Chính phủ.

1.3. Chính quyền thành phố, cấp huyện, trong quá trình huy động vốn để đảm bảo nhà ở cho thuê giá rẻ từ nhiều nguồn khác nhau, cần thực hiện theo đúng quy định của nhà nước. Trong dự toán ngân sách hàng năm của thành phố, cấp huyện, cần bố trí vốn đảm bảo nhà ở cho thuê giá rẻ. Tất cả lợi nhuận từ quỹ tiết kiệm nhà ở đều được dùng để xây dựng nhà ở cho thuê giá rẻ. Các địa phương phải trích tối thiểu 10% thu nhập từ việc chuyển nhượng đất để xây dựng nhà ở cho thuê giá rẻ.

1.4. Các ngân hàng tăng cường hỗ trợ tín dụng cho những dự án xây dựng nhà ở cho thuê giá rẻ và dự án cải tạo khu nhà ở chuột có đủ điều kiện vay vốn.

2. Thực hiện cung ứng đất và các chính sách ưu đãi

Các địa phương cần căn cứ vào kế hoạch năm và kế hoạch đảm bảo nhà ở cho thuê giá rẻ để sắp xếp kế hoạch sử dụng đất cho các dự án xây dựng nhà ở cho thuê giá rẻ; Thực hiện các chính sách ưu đãi về thuế đối với các dự án xây dựng nhà ở cho thuê giá rẻ, tăng cường hỗ trợ về mặt chính sách, đảm bảo công trình khởi công theo đúng kế hoạch; Kết hợp xây dựng mới nhà ở phù hợp điều kiện kinh tế, nhà ở thương mại, cải tạo các khu nhà ở chuột căn cứ theo nhu cầu thực tế của địa phương. Số lượng căn hộ, tiêu chuẩn xây dựng, giá mua lại, điều kiện thu hồi nhà ở cho thuê giá rẻ được quy định cụ thể trong quyết định phân đất và trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Các dự án nhà ở cho thuê giá rẻ phải có quy hoạch hợp lý, giao thông thuận tiện, đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

3. Kết hợp cải tạo các khu nhà ở chuột trong đô thị với việc huy động nguồn nhà ở

Những hộ gia đình có thu nhập thấp chủ yếu tập trung ở những khu nhà ở chuột (nhà xuống cấp) trong đô thị. Việc cải tạo những khu này sẽ giúp giải quyết khó khăn về nhà ở cho các hộ có thu nhập thấp đồng thời cải thiện môi trường đô thị, thúc đẩy xã hội phát triển hài hòa và ổn định. Các địa phương cần tăng cường cải tạo các khu ở chuột trong đô thị, duy trì các chính sách hỗ trợ có liên quan. Khi cải tạo khu nhà ở chuột trong đô thị cần tuân thủ nguyên tắc chính quyền chỉ đạo, nhân dân tham gia, vận hành theo cơ chế thị trường để xây dựng nhà ở cho thuê giá rẻ, nhà ở phù hợp điều kiện kinh tế và nhà ở thương mại, ưu tiên giải quyết vấn đề nhà ở cho những hộ gia đình sống tại những khu ở chuột trong đô thị có thu nhập thấp.

V. Giám sát quản lý

1. Đảm bảo mục tiêu và trách nhiệm

Chính quyền cấp tỉnh chịu trách nhiệm toàn diện về công tác đảm bảo nhà ở cho thuê giá rẻ trên địa bàn của mình, cần phân định rõ mục tiêu, trách nhiệm từng năm về công tác đảm bảo nhà ở cho thuê giá rẻ đối với chính quyền thành phố, cấp huyện, đồng thời cũng cần tăng cường kiểm tra, giám sát. Chính quyền thành phố, cấp huyện cần căn cứ chỉ đạo của chính quyền nhân dân cấp tỉnh để đề ra biện pháp cụ thể, kiện toàn cơ cấu công tác đảm bảo nhà ở, nỗ lực hoàn thành công tác quy hoạch, bố trí ngân sách thực hiện chính sách đảm bảo nhà ở, giám sát, quản lý chặt chẽ, phân phối công bằng. Kinh phí đảm bảo nhà ở được lấy từ ngân sách của địa phương.

2. Đảm bảo chất lượng công trình và công năng sử dụng

Công tác xây dựng nhà ở cho thuê giá rẻ cần nghiêm chỉnh tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng như đấu thầu, thẩm định thiết kế, giấy phép xây dựng, giám sát chất lượng, giám sát quản lý công trình, nghiệm thu, thanh quyết toán...; Đồng thời cần tăng cường công tác quản lý, nghiêm chỉnh chấp hành tiêu chuẩn xây dựng quốc gia, đảm bảo chất lượng công trình; nhanh chóng xoá bỏ những thủ tục hành chính rườm rà, đảm bảo mục tiêu xây dựng công trình được thực hiện đúng kế hoạch tiến độ. Cần học hỏi mô hình tiết kiệm năng lượng trong xây dựng nhà ở, môi trường thân thiện, phát triển công nghệ, kỹ thuật và vật liệu mới, đáp ứng các yêu cầu về nhà ở và công năng sử dụng... nhưng quan

trọng hơn là mọi quy định trong hợp đồng phải thật rõ ràng.

3. Quản lý nghiêm ngặt

Cần đảm bảo hoàn thiện trong các khâu liên quan tới giấy phép xây dựng, kiểm tra, thẩm tra đối chiếu, nỗ lực phấn đấu kiện toàn và công khai các cấp xét duyệt đảm bảo nhà ở, thiết lập chế độ quy định mức thu nhập, kiểm tra tình hình nhà ở và tài sản, hình thành cơ chế có trình tự khoa học, cung cấp thông tin đầy đủ, công khai rõ ràng. Cần có chế tài nghiêm khắc để xử lý những hành vi vi phạm, kiên quyết điều tra những trường hợp làm ăn gian dối, lạm dụng quyền lực...

4. Tăng cường giám sát kiểm tra

Cục Quản lý nhà ở đô thị và nông thôn - Bộ Xây dựng, Nhà ở đô thị và nông thôn Trung Quốc cần phối hợp với các cơ quan hữu quan để hoàn thiện cơ chế kiểm tra giám sát công tác đảm bảo nhà ở cho thuê giá rẻ, đồng thời, tăng cường giám sát kiểm tra tình hình thực hiện quy hoạch và xây dựng quy chế đảm bảo nhà ở cho thuê giá rẻ tại các khu vực. Đặc biệt cần chú trọng công tác kiểm tra tình hình chấp hành kế hoạch phát triển nhà ở cho thuê giá rẻ hàng năm, bao gồm những việc như: thực hiện sử dụng đất xây dựng, sử dụng vốn, chất lượng công trình xây dựng, tình hình hoàn thành mục tiêu và nhiệm vụ ...

Nguồn: <http://www.china.com.cn>

ND: Bích Ngọc

Giá chào thầu là yếu tố quyết định trong đấu thầu xây dựng quốc tế

Theo mô hình quốc tế về quản lý dự án xây dựng, việc tổ chức đấu thầu rộng rãi nhằm lựa chọn ra nhà thầu xuất sắc để đảm nhiệm thi công công trình. Tham gia đấu thầu quốc tế là biện pháp trực tiếp và hiệu quả nhất giúp các nhà thầu Trung Quốc trúng thầu dự án xây dựng ở nước ngoài, trong đó giá chào thầu là

yếu tố quyết định giúp nhà thầu giành được dự án. Vì vậy, các nhà thầu Trung Quốc khi tham gia đấu thầu quốc tế cần phân tích kỹ các yếu tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đó đối với chi phí trực tiếp và các hạng mục chi phí để đưa ra giá chào thầu hợp lý, vừa có thể trúng thầu vừa đảm bảo được lợi nhuận.

I. Công tác chuẩn bị trước khi chào giá thầu

1. Thành lập bộ phận đấu thầu

Bộ phận này bao gồm các nhân sự có trình độ, có kinh nghiệm trong các lĩnh vực kinh doanh, kỹ thuật, tài chính, pháp luật, hợp đồng và đấu thầu quốc tế. Bộ phận này có nhiệm vụ xây dựng hồ sơ đấu thầu, xác định và điều chỉnh giá chào thầu.

2. Hiểu rõ hồ sơ mời thầu, thu thập thông tin có liên quan đến công trình tham dự thầu

Trước khi đấu thầu, bộ phận đấu thầu phải nghiên cứu kỹ hồ sơ mời thầu, tìm hiểu tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá và điều kiện tự nhiên của đất nước sở tại nơi triển khai dự án, nghiên cứu các quy định pháp luật có liên quan của đất nước đó, như quy định về mua sắm, hợp đồng, thuế, luật lao động, chế độ quản lý ngoại hối, luật bảo hiểm... Các nhà thầu cần hiểu rõ tính chất, phạm vi, yêu cầu kỹ thuật, vị trí thi công công trình, nắm được các thông tin tài liệu về nguồn vốn, cung ứng vật liệu và thiết bị, điều kiện thanh toán chi phí xây dựng công trình.

3. Tiến hành điều tra, nghiên cứu và khảo sát hiện trường

Việc điều tra, nghiên cứu và khảo sát hiện trường công trình quốc tế không chỉ đơn thuần là khảo sát địa điểm xây dựng công trình, mà cần phải tìm hiểu rõ về tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, pháp luật, khả năng cung ứng, giá cả và thực tế biến động giá cả vật liệu và thiết bị cùng các quy định có liên quan của đất nước đó về các khoản lệ phí đối với dự án xây dựng công trình. Khi khảo sát hiện trường, công tác kiểm tra, khảo sát thực địa cũng rất quan trọng.

4. Phân tích đối thủ cạnh tranh

Nhà thầu xây dựng tham gia dự thầu cần phải nắm được thông tin có liên quan về tất cả các nhà thầu từng tham gia cạnh tranh trước đó hoặc các nhà thầu có thể tham gia cạnh tranh lần này, thiết lập hồ sơ về đối thủ cạnh tranh, bao gồm số lần tham gia đấu thầu và số lần

trúng thầu của nhà thầu, tình hình kinh doanh, trình độ kỹ thuật, uy tín của đối thủ. Hiểu rõ về đối thủ cạnh tranh là yếu tố quan trọng quyết định sự thành bại của nhà thầu trong cạnh tranh đấu thầu ở nước ngoài.

II. Xây dựng giá chào thầu hợp lý

Cần xác định giá chào thầu là yếu tố quan trọng nhất, liên quan trực tiếp đến sự thành bại của công tác đấu thầu, đồng thời nó cũng ảnh hưởng rất lớn đến lợi nhuận của nhà thầu nếu trúng thầu.

1. Hạch toán tổng giá thành xây dựng

Tổng giá thành xây dựng là giá thành thi công sản xuất của doanh nghiệp, bao gồm chi phí trực tiếp, chi phí gián tiếp, chi phí ngoài dự kiến, chi phí phát sinh, sau khi hạch toán riêng các hạng mục chi phí, tiến hành tổng hợp giá thành chi phí xây dựng.

1.1. Chi phí trực tiếp: bao gồm chi phí mua đất, chi phí mua sắm thiết bị, chi phí lắp đặt, chi phí xây dựng và các khoản chi phí khác...

1.2. Chi phí gián tiếp: bao gồm chi phí quản lý dự án, chi phí hành chính của chủ đầu tư, phí bảo hiểm, thuế...

1.3. Chi phí ngoài dự kiến: chủ yếu bao gồm chi phí chuẩn bị cho các hạng mục chưa nắm rõ và các khoản phí ngoài dự kiến.

1.4. Chi phí phát sinh: là các khoản chi phí phải bù thêm trong quá trình thi công.

2. Định giá hợp lý

Thông qua việc hạch toán, tổng hợp giá thành các hạng mục chi phí nói trên có thể tính ra giá thành xây dựng. Trên cơ sở đó thêm vào phần trăm lợi nhuận nhất định là có thể xác định mức giá chào thầu cuối cùng. Tức là giá chào thầu là sự cấu thành của giá thành hạch toán chuẩn xác và mức lợi nhuận hợp lý. Nhà thầu muốn tăng thêm khả năng trúng thầu thì bắt buộc phải giảm bớt tỷ lệ lợi nhuận, nhưng nếu lợi nhuận quá thấp sẽ ảnh hưởng đến lợi ích kinh doanh về sau, vì vậy nên điều chỉnh để đảm bảo lợi nhuận kinh doanh. Khi khả năng

trúng thầu lớn, các nhà thầu có thể điều chỉnh tăng giá chào thầu, ngược lại khi số lượng nhà thầu tham gia cạnh tranh đấu thầu tăng lên, khả năng trúng thầu thấp, nhà thầu nên điều chỉnh giảm giá chào thầu, ngoài ra khi có một hoặc nhiều đối thủ cạnh tranh có năng lực thì các nhà thầu cũng nên điều chỉnh giảm giá chào thầu. Nhà thầu cần phải căn cứ vào số lượng nhà thầu cạnh tranh, tình hình chào giá của đối thủ cạnh tranh để điều chỉnh giá chào thầu phù hợp nhằm đảm bảo tỷ lệ trúng thầu cao nhất và lợi nhuận kinh doanh tốt nhất.

3. Các bước xác định giá chào thầu

Nhà thầu nên tiến hành xác định giá chào thầu theo các bước sau:

a. Điều tra tình hình các đối thủ cạnh tranh có khả năng tham gia đấu thầu.

b. Tìm ra đối thủ cạnh tranh tiêu biểu và đặc thù nhất.

c. Tiến hành phân tích và dự đoán mức giá chào thầu và khả năng trúng thầu của đối thủ cạnh tranh tiêu biểu và đặc thù đó.

d. Phân tích xác suất trúng thầu khi sử dụng các báo giá khác nhau.

e. Tính toán lợi nhuận của mỗi loại xác suất trúng thầu, từ đó lựa chọn ra mức giá chào thầu có lợi nhuận cao nhất.

f. Căn cứ vào lợi nhuận cao nhất để đưa ra giá chào thầu phù hợp, đồng thời cũng chuẩn bị hai phương án giá cao hơn hoặc thấp hơn để linh hoạt thay thế sử dụng khi đối thủ cạnh tranh thay đổi phương án,

Khi tham gia đấu thầu xây dựng quốc tế, giá chào thầu hợp lý là yếu tố quan trọng giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của nhà thầu. Có rất nhiều yếu tố có thể ảnh hưởng đến khả năng trúng thầu dự án, nhưng mức giá chào thầu hợp lý là yếu tố cuối cùng có ảnh hưởng lớn nhất đến khả năng trúng thầu của nhà thầu, vì vậy việc tăng cường tính khoa học, tính hợp lý trong công tác xây dựng giá chào thầu là nhiệm vụ vô cùng quan trọng mà nhà thầu xây dựng cần quan tâm./.

Hà Bảo

Nguồn: Tạp chí Xây dựng số 15/2009

ND: Hoàng Đại Hải

Nghệ thuật và phương pháp quản lý giám đốc dự án

Dự án xây dựng là nền tảng vật chất cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp xây dựng, là cơ sở để thực hiện mục tiêu của doanh nghiệp, năng lực của giám đốc dự án có vai trò hết sức quan trọng đối với doanh nghiệp, vì vậy, việc xây dựng một đội ngũ quản lý dự án xuất sắc là nhiệm vụ hết sức quan trọng.

I. Quy phạm trách nhiệm và quyền hạn của giám đốc dự án

1. Trách nhiệm của giám đốc dự án

Phân cấp trách nhiệm là vấn đề trọng tâm của việc thực hiện chế độ trách nhiệm quản lý dự án. Trách nhiệm của giám đốc dự án chủ yếu bao gồm hai nội dung chính là đảm bảo

công trình được thực hiện theo đúng mục tiêu, tiến độ, chất lượng, tiết kiệm và đảm bảo các hạng mục công việc được thực hiện một cách khoa học và hiệu quả nhất. Theo quy định của Nhà nước về “Biện pháp quản lý năng lực giám đốc dự án của doanh nghiệp xây dựng”, giám đốc dự án phải thực hiện các trách nhiệm sau:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, chính sách của nhà nước và của địa phương nơi thực hiện dự án, chấp hành các chế độ quản trị của doanh nghiệp;

- Tuân thủ các nguyên tắc tài chính, tăng cường quản lý tài chính, xử lý thoả đáng lợi ích của nhà nước, doanh nghiệp và cá nhân;

- Chấp hành các điều khoản quy định trong hợp đồng nhận thầu;

- Quản lý hiệu quả việc thi công xây dựng công trình, tuân thủ các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật có liên quan, tích cực ứng dụng kỹ thuật mới, đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình, thực hiện sản xuất văn minh, an toàn, đảm bảo lợi nhuận.

Những quy định nói trên là do nhà nước đặt ra, bên cạnh đó các doanh nghiệp xây dựng có thể căn cứ vào tình hình thực tế để tiếp tục xây dựng các quy định chi tiết hơn, ví dụ như : tổ chức và quản lý một cách khoa học tài nguyên nhân lực, vật lực trên công trường xây dựng, tiến hành giám sát quản lý tiến độ, chất lượng, an toàn, chi phí..., xử lý hài hoà mối quan hệ với các nhà thầu phụ, kịp thời giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình thi công, đảm bảo thực hiện theo đúng thoả thuận trong các hợp đồng đã ký kết.

2. *Đảm bảo quyền lợi của giám đốc dự án.*

Quyền lợi là điều kiện tiên quyết và là biện pháp đảm bảo cho giám đốc dự án có thể gánh vác trách nhiệm được giao, bởi vậy phạm vi quyền lợi được xác định trên cơ sở yêu cầu trách nhiệm của giám đốc dự án, đồng thời được xác định bằng chế độ và hợp đồng cụ thể. Trong Văn bản của nhà nước về “Biện pháp quản lý năng lực giám đốc dự án của doanh nghiệp xây dựng” đã quy định quyền hạn quản lý của giám đốc dự án như sau:

- Tổ chức ban quản lý dự án;

- Đại diện cho người đại diện pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm xử lý các mối quan hệ liên quan đến dự án công trình mà doanh nghiệp đảm nhận, được uỷ thác ký kết các hợp đồng có liên quan;

- Chỉ đạo hoạt động sản xuất, điều phối và quản lý nhân lực, tiền vốn, vật tư, máy móc thiết bị của dự án xây dựng;

- Lựa chọn đội ngũ thi công;

- Tiến hành phân phối kinh tế hợp lý;

- Có các quyền hạn quản lý khác do người đại diện pháp luật của doanh nghiệp uỷ thác.

Để bảo đảm lợi ích, doanh nghiệp xây dựng có thể đề ra các quy định quản lý chi tiết hơn. Ví dụ, trong quyết sách kinh doanh và chỉ đạo sản xuất, giám đốc dự án có quyền điều phối nhân lực, tài sản vật chất trên công trường.

3. *Thực hiện chế độ trách nhiệm quản lý dự án xây dựng*

Chế độ trách nhiệm quản lý dự án là chế độ nội bộ của doanh nghiệp, được xây dựng trên nguyên tắc trách nhiệm kinh tế, thông qua hình thức hợp đồng để xác định các quan hệ trách nhiệm - quyền hạn và lợi ích của giám đốc dự án. Theo cơ chế vận hành của doanh nghiệp, giám đốc dự án thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình vận hành, tiến hành tổ chức quản lý dự án hiệu quả. Chế độ trách nhiệm này là phương pháp hiệu quả giúp doanh nghiệp tăng cường công tác quản lý giám đốc dự án. Chế độ trách nhiệm quản lý dự án sẽ là thách thức, thúc đẩy các thành viên của ban quản lý dự án liên tục học hỏi, tích lũy kiến thức mới để đáp ứng thực tiễn. Nếu ban quản lý không hoàn thành nhiệm vụ được cấp trên giao phó thì thu nhập sẽ bị giảm sút, nhân viên không ủng hộ, nghiêm trọng hơn là không có đối tác nào chịu hợp tác thì giám đốc dự án có thể bị cho thôi việc; Nếu các nhân viên của ban quản lý dự án không nỗ lực hoàn thành tốt trách nhiệm được giao thì cũng có thể bị sa thải. Với cơ chế này, bất kể là nhân viên có trình độ học vấn cao hay thấp đều chịu áp lực, có tinh thần trách nhiệm và theo đuổi lợi ích, nỗ lực công tác, thể hiện giá trị bản thân.

II. **Thiết lập và hoàn thiện cơ chế đánh giá, khích lệ, ràng buộc, giám sát giám đốc dự án**

Để tiếp tục hoàn thiện chế độ trách nhiệm của giám đốc dự án, doanh nghiệp xây dựng phải thiết lập một cơ chế đánh giá, khích lệ, ràng buộc, giám sát đối với giám đốc dự án,

từng bước hoàn thiện hệ thống quản lý giám đốc dự án.

1. Thiết lập cơ chế đánh giá giám đốc dự án

Để thực hiện chế độ trách nhiệm quản lý dự án thì cần phải thiết lập tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp thành tích công tác của giám đốc dự án, thiết lập hệ thống chỉ tiêu tương đối hoàn chỉnh, khoa học và quy phạm để đánh giá trình độ quản lý của giám đốc dự án. Hệ thống chỉ tiêu này tập trung vào phương diện sau: quản lý chất lượng công trình, quản lý tiến độ, quản lý an toàn.... Doanh nghiệp nên thành lập tổ khảo sát đánh giá chuyên trách để thực hiện công tác đánh giá toàn diện tình hình thực hiện các chỉ tiêu nêu trên.

2. Thiết lập cơ chế khuyến khích giám đốc dự án

Khuyến khích là động lực để tăng thêm niềm tin. Đối với bất kể ngành nghề nào, nếu khuyến khích nhân viên đúng lúc và hợp lý sẽ góp phần thúc đẩy năng suất lao động. Xây dựng cơ chế khuyến khích giám đốc dự án, một mặt giúp cho giám đốc dự án thể hiện giá trị bản thân, mặt khác thúc đẩy họ phát huy tinh thần yêu nghề, sáng tạo, nâng cao trách nhiệm đối với doanh nghiệp và dự án. Ngoài khuyến khích vật chất, động viên về tinh thần cũng là yếu tố không thể thiếu, việc biểu dương các giám đốc dự án xuất sắc vừa khiến cho họ cảm thấy phấn khởi, vinh dự, vừa là tấm gương để các giám đốc dự án khác học tập.

3. Hoàn thiện cơ chế ràng buộc đối với giám đốc dự án

Việc hoàn thiện cơ chế ràng buộc đối với giám đốc dự án có thể tiến hành từ những phương diện sau: thứ nhất, ràng buộc bằng quy định pháp luật. Đối tượng công tác của giám đốc dự án là công trình xây dựng, các giám đốc dự án phải tuân thủ theo quy định pháp luật do nhà nước ban hành; thứ hai, ràng buộc từ phía doanh nghiệp, giám đốc dự án phải quán triệt chấp hành các chế độ điều lệ và biện pháp

quản lý của doanh nghiệp; thứ ba là ràng buộc xã hội, tiến hành giám sát và quản lý hành vi của giám đốc thông qua đánh giá và giám sát của chủ đầu tư và bộ phận theo dõi chung.

4. Hoàn thiện cơ chế giám sát giám đốc dự án

Do giám đốc dự án có vai trò, địa vị đặc thù, đóng vai trò chỉ đạo đội ngũ thi công cho nên việc giám sát quản lý tốt đội ngũ giám đốc dự án là mấu chốt để quản lý đội ngũ thi công, có tác dụng quản lý, chỉ đạo một cách toàn diện, ngược lại nếu quản lý giám đốc dự án không tốt sẽ để lại hậu quả nặng nề. Nhằm vào thực tế quản lý thiếu hiệu quả hiện nay, doanh nghiệp nên xây dựng một hệ thống cơ chế giám sát quản lý khoa học và hiệu quả, hoàn thiện biện pháp giám sát.

III. Tăng cường bồi dưỡng năng lực tổng hợp cho giám đốc dự án

Năng lực tổng hợp của giám đốc dự án có vai trò quyết định đến sự thành bại của dự án, vì vậy tăng cường bồi dưỡng năng lực tổng hợp cho giám đốc dự án có vai trò rất quan trọng.

1. Tăng cường đổi mới quan niệm về nghề nghiệp

Doanh nghiệp cần chú trọng bồi dưỡng quan niệm về tính tự lập, đại cục, phát triển và thành thật. Tự lập là xoá bỏ tư tưởng ỷ lại, xây dựng quan niệm làm việc độc lập tự giác; Đại cục là nhìn nhận, suy nghĩ và tìm cách giải quyết hiệu quả trên cơ sở suy xét từ góc độ lợi ích chung; phát triển là xoá bỏ tư tưởng an phận; thành thật là tôn trọng phẩm chất làm nghề. Bồi dưỡng 4 quan niệm này có ảnh hưởng rất lớn đối với sự phát triển của bản thân các giám đốc dự án.

2. Tăng cường ý thức pháp luật

“Luật xây dựng” quy định: giám đốc dự án xây dựng phải có chứng nhận nghề nghiệp; khi tiến hành hoạt động đấu thầu, đơn vị xây dựng phải có yêu cầu cụ thể về trình độ năng lực đối với nhân viên phụ trách quản lý gói thầu dự án, đồng thời yêu cầu giám đốc dự án trực tiếp phụ

trách gói thầu phải có mặt ngay sau khi buổi đấu thầu kết thúc để tránh hiện tượng cho mượn “Giấy chứng nhận năng lực giám đốc dự án” để cạnh tranh tiếp nhận gói thầu. Giám đốc dự án phải nghiêm túc tuân thủ các quy định pháp luật do nhà nước ban hành, nỗ lực hoàn thành tốt công tác quản lý dự án được giao, tích cực nâng cao trình độ quản lý dự án.

3. Tăng cường bồi dưỡng năng lực bản thân

Xây dựng là lĩnh vực phức tạp, khi thực thi dự án chắc chắn sẽ nảy sinh nhiều vấn đề, đây chính là thách thức rất lớn đối với giám đốc doanh nghiệp. Giám đốc doanh nghiệp không

những phải phát huy vai trò của mình trong các khâu kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, thi công, kiểm soát mà còn cần có những năng lực khác, như năng lực điều phối, năng lực quản lý nhân viên, năng lực xử lý áp lực và giải quyết vấn đề. Đẩy mạnh tăng cường những năng lực nói trên là yếu tố quan trọng góp phần quan trọng giúp giám đốc dự án hoàn thành tốt hơn công tác khống chế và quản lý dự án xây dựng./.

Mã Lô Hoa

Nguồn: Tạp chí Xây dựng số 14/2009

ND: Hoàng Đại Hải

Đô thị không rào cản

Trong tháng 6/2009 Trung tâm thông tin thành phố Matxcova đã tổ chức họp báo giới thiệu các biện pháp mà thành phố đã và đang thực hiện nhằm tạo ra tiện nghi về di chuyển và nâng cao khả năng tiếp cận của người khuyết tật tại các địa điểm làm việc và nghỉ ngơi.

Thủ đô Matxcova tuyên bố năm 2009 là năm của những cơ hội như nhau. Không phải ngẫu nhiên mà trong năm 2009 thành phố thực hiện hàng loạt biện pháp bảo đảm sự tiếp cận của tất cả các loại đối tượng người khuyết tật đối với các công trình xây dựng. Trong 2 - 3 năm tới toàn bộ hệ thống hạ tầng đô thị sẽ được cải tạo nhằm tạo thuận lợi cho người bị hạn chế về khả năng đi lại. Công việc này được quan tâm ngay trên giai đoạn thiết kế. Các yêu cầu đặc thù đặt ra cho các đồ án thiết kế đã được phê duyệt, từ nay tất cả các công trình xây dựng mới từ nhà tắm lớn cho đến phòng hoà nhạc đều phải được trang bị tiện nghi dành cho người khuyết tật; các công trình hiện có vì mục tiêu này đều sẽ được cải tạo. Vì lý do đó, thành phố đã ban hành một quyết định đặc biệt là Quyết định về “Thực hiện Chương trình tổng thể Tích hợp về mặt xã hội người khuyết tật với các đối tượng khác bị hạn chế về điều kiện sống ở thành phố Matxcova” giai đoạn 2007 - 2009”.



Thang máy dành cho người khuyết tật tại ga tàu điện ngầm

Ủy ban Kiểm tra nhà nước về xây dựng của thành phố Matxcova được giao nhiệm vụ không cho phép đưa vào sử dụng những công trình mà trên đó chưa thực hiện các biện pháp nâng cao tiện nghi đi lại cho người khuyết tật. Ủy ban đã thành lập một nhóm chuyên gia gồm 26 người được qua các lớp huấn luyện do Sở Bảo trợ xã hội tổ chức. Các chuyên gia giám sát việc thực hiện tất cả các giai đoạn xây dựng, điều chỉnh hồ sơ thiết kế thi công. Trong 6 tháng qua nhóm chuyên gia đã đạt được những kết quả sau: 29

hồ sơ thiết kế phải bổ sung, sửa đổi; 117 công trình được xác định chưa thực hiện tổ hợp các biện pháp đã nêu ở trên; 105 công trình đã được khắc phục các thiếu sót; điều đáng lưu ý là rất nhiều công trình được xây dựng theo đơn đặt hàng của thành phố bị nhắc nhở do chỉ xây dựng có đường dốc và thang nâng cho người sử dụng xe lăn. Vậy là người khiếm thính và khiếm thị vẫn bị lãng quên. Ủy ban kiểm tra nhà nước về xây dựng của thành phố Matxcova cho rằng nguyên nhân của những vi phạm nêu trên không phải do bỏ qua các yêu cầu nêu trong Quyết định mà là do hồ sơ thiết kế của các công trình đó được lập trước khi Quyết định được ban hành. Qua đó có thể thấy rằng danh mục các loại thiết bị tiện nghi là rất rộng, bao gồm thang nâng, bảng đèn màu, đèn pha, thiết bị phát tín hiệu âm thanh trong thang máy, tay vịn trong thang máy, phím bấm có chữ nổi, các loại ký hiệu cảnh báo và nhiều loại khác.



Ký hiệu vòng tròn màu vàng trên cửa thông báo cho người nhìn kém

Trong số những công trình mà hồ sơ thiết kế đã được điều chỉnh thành công phải kể đến công trình Tổ hợp thể thao - phục hồi sức khỏe, một trong số các trường phổ thông, Trung tâm thương mại - giải trí "Metropolis". Hiện nay ở Matxcova có khoảng 50 công trình đã được trang bị đầy đủ các tiện nghi dành cho người



Đường vào nhà

khuyết tật trong khi đó việc giám sát những công trình có vi phạm vẫn đang được thực hiện. Một trong những nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện những công trình chưa được trang bị đầy đủ tiện nghi dành cho sự đi lại của người khuyết tật là do khi xây dựng đã sử dụng các mẫu thiết kế đã lạc hậu trong đó chưa xem xét nhu cầu của người khuyết tật. Đáng lưu ý là việc chỉnh sửa hồ sơ thiết kế mẫu của các toà nhà của các cơ sở giáo dục, đào tạo đang được thực hiện.

Tình trạng trên cũng đang diễn ra đối với việc xây dựng nhà tắm lớn bằng thiết kế điển hình. Hiện nay Sở Kiến trúc thành phố đã hoàn thành việc chỉnh sửa đối với một số loại thiết kế mẫu nhà. Một trong các giải pháp kỹ thuật được nêu trong các đồ án thiết kế đổi mới là sàn thang máy được đặt ở mức "0" tức là ngang bằng với sàn của lối đi vào, qua đó tránh được sự cần phải xây đường dốc và lắp thang nâng.

Các thiết kế mới về "đường đi" cũng sẽ được các kiến trúc sư nghiên cứu. Họ sẽ nghiên cứu cải tạo cả nhà bảo tàng, cơ sở đào tạo, bể bơi... nhằm xây dựng các đô thị "không có rào cản". Một trong các ví dụ là ý tưởng lắp đặt thang máy bên ngoài cho các nhà lắp ghép 5 tầng không bị phá dỡ.

Đại diện của Ủy ban kiểm tra nhà nước về xây dựng của thành phố Matxcova cho rằng lĩnh vực xây dựng các công trình thuộc hạ tầng kỹ thuật đường giao thông đang còn vấn đề chưa giải quyết. Các văn bản hướng dẫn do



Đường dốc trong nhà dành cho người khuyết tật

Chính phủ LB Nga ban hành nêu ra yêu cầu đối với việc bảo dưỡng các công trình dạng tuyến (vĩa hè, đường quốc lộ, đường đi bộ trên mặt đất,...) chưa đề cập đến sự di chuyển của người khuyết tật. Tuy nhiên, đại diện của Ủy ban này cho rằng, trước khi cấp phép xây dựng, Ủy ban sẽ đề nghị phải thực hiện đầy đủ tất cả các biện pháp nhằm bảo đảm điều kiện đi lại cho người bị hạn chế về khả năng đi. Đối với đường vượt ngầm dành cho người đi bộ đang thực hiện việc thống kê số lượng đường dốc nối từ đường giao thông vào phần đường đi có lắp đặt các kết cấu mô đun chuyên dụng. Kết quả cho thấy có khoảng 27.000 đường dốc loại này. Các đường vượt trên mặt đất được trang bị đèn tín hiệu màu có khả năng phát ra tín hiệu âm thanh và lớp phủ mặt xúc giác. Từ năm 2007 hệ thống giao thông công cộng chỉ mua loại phương tiện sàn thấp và trong thời gian tới tất cả các xe buýt và xe điện bánh hơi đều sẽ được thay thế bằng loại



Đường dốc có tay vịn dành cho người khuyết tật

xe tiện nghi với người khuyết tật.

Tuy vậy cũng còn tình trạng các thang nâng đã được lắp đặt tại các toà nhà đã xây dựng xong nhưng không hoạt động do cơ quan vận hành không muốn khai thác các thiết bị có cấu tạo khác biệt này. Trước thực trạng trên, Thị trưởng Matxcova đã chỉ thị trong thời gian tới cần hoàn thành nghiệm thu các thang nâng đã được lắp đặt và đưa chúng vào hoạt động.

Tại cuộc họp báo, đại diện Trung tâm thông tin của thành phố cho rằng ngày nay cần phải làm tất cả những gì có thể để người khuyết tật cảm thấy tiện nghi trong thành phố. Nếu mỗi người trên cương vị của mình đều quan tâm đến vấn đề này thì vấn đề tiếp cận của người khuyết tật sẽ được giải quyết thành công.

Huyền Phước

*Theo Tạp chí Kiến trúc và xây dựng
Matxcova, số 4/2009*

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ (HUD)
LỄ KỶ NIỆM 20 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG VÀ ĐÓN NHẬN
DANH HIỆU ANH HÙNG LAO ĐỘNG**

Ngày 14 tháng 10 năm 2009



Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết phát biểu tại buổi Lễ



Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết trao tặng Tổng Công ty HUD danh hiệu Anh hùng Lao động